

## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **MỤC LỤC DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐĂNG KÝ THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015**

**Lưu ý:**

- Vùng Đồng bằng Sông Hồng gồm 10 tỉnh: Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thái Bình, Vĩnh Phúc;
- Các trường đánh dấu (\*) là các trường ngoài công lập;
- Trong tổ hợp môn xét tuyển, các môn được viết chữ hoa, in đậm là những môn thi chính.

| <b>STT</b> | <b>Mã trường</b> | <b>Tên trường</b>                                  | <b>Số trang</b> |
|------------|------------------|----------------------------------------------------|-----------------|
| 1          | DDA              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á <sup>(*)</sup>     | 4               |
| 2          | DDM              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH              | 5               |
| 3          | LCH              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH TRỊ                           | 7               |
| 4          | DCA              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN <sup>(*)</sup>           | 8               |
| 5          | DHP              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG <sup>(*)</sup>    | 9               |
| 6          | YDD              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH                 | 11              |
| 7          | DHH              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ HOA TIÊN <sup>(*)</sup>          | 12              |
| 8          | HLU              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG                             | 14              |
| 9          | DKT              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG                           | 16              |
| 10         | THP              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG                           | 19              |
| 11         | HHA              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM                   | 25              |
| 12         | DNB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ                              | 28              |
| 13         | UKB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC <sup>(*)</sup>             | 30              |
| 14         | DKK              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP        | 32              |
| 15         | HCB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - HẬU CẦN CÔNG AN NHÂN DÂN | 34              |
| 16         | DKY              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG             | 34              |
| 17         | DTV              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC LƯƠNG THẾ VINH                      | 35              |
| 18         | SDU              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ                              | 37              |

| <b>STT</b> | <b>Mã trường</b> | <b>Tên trường</b>                                 | <b>Số trang</b> |
|------------|------------------|---------------------------------------------------|-----------------|
| 19         | SP2              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2                   | 42              |
| 20         | SKH              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN          | 45              |
| 21         | SKN              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH          | 47              |
| 22         | DFA              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH    | 48              |
| 23         | DTB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH                          | 49              |
| 24         | DDB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG <sup>(*)</sup>          | 50              |
| 25         | TDB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH          | 52              |
| 26         | DVP              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG                        | 53              |
| 27         | YPB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG                   | 54              |
| 28         | YTB              | TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH                   | 54              |
| 29         | TGH              | TRƯỜNG SĨ QUAN TĂNG - THIẾT GIÁP                  | 54              |
| 30         | CSA              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG ASEAN <sup>(*)</sup>              | 55              |
| 31         | CBK              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁCH KHOA HƯNG YÊN <sup>(*)</sup> | 56              |
| 32         | D03              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẢI PHÒNG               | 57              |
| 33         | CBH              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ BẮC HÀ <sup>(*)</sup>   | 58              |
| 34         | CVT              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VIETTRONICS             | 60              |
| 35         | CCC              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CẨM PHẢ               | 61              |
| 36         | CCY              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN              | 62              |
| 37         | CND              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH              | 63              |
| 38         | CPY              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP PHÚC YÊN              | 65              |
| 39         | CCX              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG           | 67              |
| 40         | CKS              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI             | 68              |
| 41         | CYS              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG DƯỢC TRUNG ƯƠNG                   | 69              |
| 42         | CEO              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT <sup>(*)</sup>           | 69              |
| 43         | C21              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẢI DƯƠNG                         | 70              |

| <b>STT</b> | <b>Mã trường</b> | <b>Tên trường</b>                                              | <b>Số trang</b> |
|------------|------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------|
| 44         | CHH              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI I                                     | 73              |
| 45         | CKA              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT VĨNH PHÚC                   | 74              |
| 46         | CCT              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM                 | 76              |
| 47         | CDP              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG LÂM ĐÔNG BẮC                              | 77              |
| 48         | CNC              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGOẠI NGỮ - CÔNG NGHỆ VIỆT NHẬT <sup>(*)</sup> | 78              |
| 49         | CPT              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH I                       | 79              |
| 50         | C19              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH                               | 81              |
| 51         | C24              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ NAM                                 | 83              |
| 52         | C22              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HƯNG YÊN                               | 85              |
| 53         | C25              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH                               | 87              |
| 54         | C26              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM THÁI BÌNH                              | 87              |
| 55         | CTE              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ                                       | 90              |
| 56         | CTL              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG THUỶ LỢI BẮC BỘ                                | 91              |
| 57         | CSB              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG THUỶ SẢN                                       | 92              |
| 58         | CNB              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT THÁI BÌNH                   | 93              |
| 59         | C16              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC                                      | 94              |
| 60         | CXN              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG NAM ĐỊNH                              | 97              |
| 61         | CYH              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NAM                                    | 97              |
| 62         | CYF              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG                                 | 97              |
| 63         | CHY              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HƯNG YÊN                                  | 98              |
| 64         | CNY              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ NINH BÌNH                                 | 98              |
| 65         | CYQ              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ QUẢNG NINH                                | 99              |
| 66         | CYE              | TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ THÁI BÌNH                                 | 99              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                               | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                         | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG<br/>NGHỆ ĐÔNG Á<sup>(*)</sup></b>                                                                            |                |                                                                              | <b>2450</b>                   | <b>-Vùng tuyển sinh:</b><br>Tuyển sinh trong cả nước<br><b>- Phương thức TS:</b><br>+ Trình độ đại học:<br>Trường tuyển sinh dựa vào điều kiện tốt nghiệp kì thi THPT Quốc gia và tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển và điểm trung bình học tập lớp 12<br>+ Trình độ cao đẳng:<br>Trường tuyển sinh dựa vào điều kiện tốt nghiệp kì thi THPT Quốc gia và tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển và điểm trung bình học tập lớp 12<br><b>- Các thông tin khác:</b><br>+ Kí túc xá: 200 chỗ<br>+ Học phí Đại học: 700.000 <sup>d</sup> /1 tháng ( một năm đóng 10 tháng )<br>+ Học phí Cao đẳng: 500.000 <sup>d</sup> /1 tháng ( một năm đóng 10 tháng )<br>+ Chính sách ưu tiên: 10 chính sách ưu tiên : ( Xem cụ thể trên trang web của trường ) |
| <b>DDA</b>                | Xuân Ổ A, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh.<br>ĐT (02413827996)<br><a href="http://www.datu.edu.vn">Website: www.datu.edu.vn</a> |                |                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo đại học:</i></b>                                                                                            |                |                                                                              | <b>1800</b>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Kế toán                                                                                                                             | <b>D340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Tài chính – Ngân hàng                                                                                                               | <b>D340201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                 | <b>D340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                 | <b>D480201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn                               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                    | <b>D510301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn                               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Kĩ thuật xây dựng                                                                                                                   | <b>D580208</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn                               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>                                                                                           |                |                                                                              | <b>650</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Kế toán                                                                                                                             | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                               | <b>C340201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                    | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                      | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |         |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                      | <b>C480201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn                               |                               |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                         | <b>C510301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn                               |                               |         |
| <b>2</b>                  | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG<br/>NGHIỆP QUẢNG NINH</b>                                                                         |                |                                                                              | <b>3000</b>                   |         |
| <b>DDM</b>                | Yên Thọ - Đông Triều - Quảng<br>Ninh<br>ĐT: 0333.871.292<br><a href="http://quy.edu.vn/">Website: http://quy.edu.vn/</a> |                |                                                                              |                               |         |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo đại học:</i></b>                                                                                 |                |                                                                              | <b>2000</b>                   |         |
|                           | Kế toán                                                                                                                  | <b>D340301</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự<br>động hoá                                                                          | <b>D510303</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                         | <b>D510301</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Kĩ thuật mỏ                                                                                                              | <b>D520601</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật công trình<br>xây dựng                                                                                | <b>D510102</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Kĩ thuật trắc địa - bản đồ                                                                                               | <b>D520503</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                                                                                                | <b>D510201</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                      | <b>D480201</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Kĩ thuật địa chất                                                                                                        | <b>D520501</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | Kĩ thuật tuyển khoáng                                                                                                    | <b>D520607</b> |                                                                              |                               |         |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>                                                                                |                |                                                                              | <b>1000</b>                   |         |

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.  
- Phương thức TS:  
+ Dành 80 % chỉ tiêu dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia;  
+ Dành 20% chỉ tiêu dựa vào kết quả học: Học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm học lớp 12 ở bậc học THPT.

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                           | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ kỹ thuật mỏ                                                                           | <b>C511001</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                             | <b>C340101</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Tin học ứng dụng                                                                                | <b>C480202</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá                                                    | <b>C510303</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng                                                          | <b>C510102</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                | <b>C510301</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật ô tô                                                                         | <b>C510205</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật địa chất                                                                     | <b>C515901</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kế toán                                                                                         | <b>C340301</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật trắc địa                                                                     | <b>C515902</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ tuyển khoáng                                                                          | <b>C511002</b> |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                             |
| <b>3</b>                  | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH TRỊ (TRƯỜNG SĨ QUAN CHÍNH TRỊ)</b>                                      |                |                                                                                                              | <b>920</b>                    | - Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển trên cơ sở kết quả của Kỳ thi THPT Quốc gia. Thí sinh đăng ký và dự Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2015 theo quy định của Bộ GD & ĐT.                         |
| <b>LCH</b>                | Phường Vệ An, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh<br>ĐT: 069 695 167<br>Website:<br>www.daihocchinhtri.edu.vn |                |                                                                                                              |                               | - Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ, như sau: |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học quân sự</b>                                                        |                |                                                                                                              | <b>520</b>                    | 1) Tiêu chí 1: Các ngành tuyển sinh tổ hợp môn thi: Toán, Vật lý, Hóa học thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển; các ngành tuyển sinh tổ                                     |
|                           | Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước                                                           | <b>D310202</b> | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                                                            | <b>520</b>                    |                                                                                                                                                                                             |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học dân sự</b>                                                         |                |                                                                                                              | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                             |
|                           | Giáo dục quốc phòng và an ninh                                                                  | D140208        | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                                                                                     | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                             |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tên trường/ Ngành học                                             | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Đào tạo theo địa chỉ cho Bộ Công an</b>                        |                |                          | <b>250</b>                    | hợp môn thi: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>thí sinh có điểm thi môn Ngữ văn cao hơn sẽ trúng tuyển.<br>2) Sau khi xét tiêu chí 1, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh cùng bằng điểm, cùng có tiêu chí 1 như nhau, thì xét đến các tiêu chí phụ tiếp theo như phần quy định xét tuyển tiêu chí phụ của Học viện Kỹ thuật quân sự. |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Đại học chính quy: Ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước  | <b>D310202</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Cao đẳng chính quy: Ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước | <b>C310202</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>* Đại học quân sự:</b><br>- Thí sinh đăng kí xét tuyển vào hệ đại học quân sự phải qua sơ tuyển, có đủ tiêu chuẩn quy định của Bộ Quốc phòng (thanh niên ngoài Quân đội sơ tuyển tại Ban TSQS cấp quận, huyện, thị; quân nhân tại ngũ sơ tuyển tại Ban TSQS cấp trung đoàn và tương đương);<br>- Vùng tuyển sinh: Tuyển nam thanh niên trong cả nước.<br>- Điểm trúng tuyển: Xét theo khu vực phía Nam và phía Bắc. Chỉ tiêu tổ hợp các môn Toán, Vật lí, Hóa học bằng 1/3, tổ hợp các môn Văn, Sử, Địa bằng 2/3 tổng chỉ tiêu.<br>- Tuyển 40 chỉ tiêu đi đào tạo ở trường ngoài Quân đội.              |                                                                   |                |                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>* Đào tạo đại học dân sự:</b> Thời gian học tập tại Trường được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Quyết định 607/QĐ-TTg ngày 24/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; được bảo đảm ăn, ở, sinh hoạt, học tập tập trung; học viên tốt nghiệp nếu có đủ tiêu chuẩn về sức khoẻ và tình nguyện đăng kí, được xét phong quân hàm sĩ quan dự bị theo quy định của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam và quy định của Chính phủ về Sĩ quan dự bị QĐND Việt Nam; được ưu tiên tuyển dụng làm giáo viên các trường THPT, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học. |                                                                   |                |                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>* Đào tạo theo địa chỉ cho Bộ Công an:</b> Nguồn tuyển do Bộ Công an quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                   |                |                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                           | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4                         | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN<sup>(*)</sup></b>                                                                                                                  |                |                                                                              |                               | <p>- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước</p> <p>- Phương thức TS: có 02 phương thức<br/>+ Phương thức 01: Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia (60% chỉ tiêu).</p> <p>+ Phương thức 02: Tuyển sinh theo đề án tự chủ (40% chỉ tiêu), theo 02 tiêu chí</p> <p>Tốt nghiệp THPT<br/>Hạnh kiểm, sức khỏe</p> <p><a href="http://www.cvauni.edu.vn">chi tiết thí sinh có thể tham khảo trên website www.cvauni.edu.vn</a></p> <p>- Các thông tin khác:<br/>Học phí trường thu theo tín chỉ.<br/>Nhà trường có chỗ ở cho sinh viên ở xa trong Kí túc xá (60.000 vnd/01 tháng)</p> |
| <b>DCA</b>                | Khu Đô thị Đại học Phố Hiến, đường Tô Hiệu, Phường Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: (0321) 3.515.592, (0321) 2.216916<br>website: www.cvauni.edu.vn |                |                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                               |                |                                                                              | <b>650</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Kiến trúc                                                                                                                                                       | <b>D580102</b> | Toán, Vật lí, <b>VẼ MỸ THUẬT</b><br>Toán, Ngữ văn, <b>VẼ MỸ THUẬT</b>        | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                             | <b>D480201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>80</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Kỹ thuật điện, điện tử                                                                                                                                          | <b>D520201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>70</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                           | <b>D340201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                             | <b>D340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                         | <b>D340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                     | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Kỹ thuật công trình xây dựng                                                                                                                              | <b>D580201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Ngôn ngữ Anh                                                                                                                                              | <b>D220201</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b>                                                                                             | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>5</b>                  | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN<br/>LẬP HẢI PHÒNG<sup>(*)</sup></b>                                                                                                 |                |                                                                                                                             | <b>2200</b>                   | <b>- Vùng tuyển sinh:</b><br>+ Tuyển sinh trong cả nước.<br><b>- Phương thức TS:</b><br>Có 2 phương thức tuyển sinh:<br>+ Dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia: Xét kết quả thi THPT do các trường Đại học chủ trì; chỉ tiêu là <b>1080</b> Đại học và <b>240</b> Cao đẳng.<br>+ Xét tuyển thí sinh dựa trên kết quả học tập 3 năm học THPT; chỉ tiêu là <b>720</b> Đại học và <b>160</b> Cao đẳng.<br><b>- Các thông tin khác:</b><br><b>- Học phí:</b><br>+ Đại học: 990.000 đ/tháng<br>+ Cao đẳng: 940.000 đ/tháng<br>- Trường có Khách sạn sinh viên có sức chứa 1500 chỗ.<br>+ Cho khoá tuyển sinh 2015 có 800 chỗ. Có Internet, Wifi. |
| <b>DHP</b>                | Phường Dư Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng; ĐT: (031) 3740577;<br>Fax: (031) 3740476;<br>Website: www.hpu.edu.vn<br><b>Các ngành đào tạo đại học:</b> |                |                                                                                                                             | <b>1800</b>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                       | <b>D480201</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Tiếng Anh, Hóa học;<br>Toán, Tiếng Anh, Sinh học |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kỹ thuật điện, điện tử                                                                                                                                    | <b>D510301</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kỹ thuật công trình xây dựng                                                                                                                              | <b>D580201</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Địa lí;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Vẽ     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học              | Mã<br>ngành | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                  | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------|------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Kỹ thuật môi trường                | D520320     | TOÁN, Vật lí, Hoá học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>TOÁN, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Vật lí, Sinh học            |                               | + Các phòng học đều được trang bị máy chiếu Projector, điều hòa nhiệt độ để phục vụ cho học tập.<br><b>- Học bổng:</b><br>+ Có 150 suất <b>học bổng tuyển sinh</b> trị giá từ 31,3 triệu đến 39,2 triệu giành cho sinh viên xuất sắc.<br>+ Sinh viên khá, giỏi được thưởng học bổng hàng năm.<br><b>- Miễn giảm:</b><br>+ Sinh viên nghèo được miễn giảm học phí từ 10% đến 50%. |
|                           | Quản trị kinh doanh                | D340101     | TOÁN, Vật lí, Hoá học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Địa lí             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Việt Nam học                       | D220113     | NGŨ VĂN, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, NGŨ VĂN, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hoá học      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Ngôn ngữ Anh                       | D220201     | Toán, Vật lí, TIẾNG ANH;<br>Toán, Ngữ văn, TIẾNG ANH;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Nông nghiệp                        | D620101     | TOÁN, Vật lí, Hoá học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>TOÁN, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Vật lí, Sinh học            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b> |             |                                                                                                                     | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Công nghệ thông tin                | C480201     | TOÁN, Vật lí, Hoá học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Hóa học;<br>Toán, Tiếng Anh, Sinh học        |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                   | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                              | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, Điện tử                                                                                        | <b>C510301</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Công nghệ kĩ thuật công trình<br>xây dựng                                                                               | <b>C510102</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Địa lí                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Kế toán                                                                                                                 | <b>C340301</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh;<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Địa lí |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Việt Nam học                                                                                                            | <b>C220113</b> | <b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hoá học  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>6</b>                  | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU<br/>DƯỠNG NAM ĐỊNH</b>                                                                           |                |                                                                                                                                 | <b>800</b>                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyển sinh trong cả nước</li> <li>- Phương thức TS:</li> <li>+ Trình độ đại học: Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.</li> <li>+ Trình độ cao đẳng: Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.</li> <li>- Các thông tin khác:</li> <li>+ Khối thi truyền thống: Toán, Hóa học, Sinh học (dự kiến xét 80% tổng chỉ tiêu đại học, cao đẳng chính quy của nhà trường)</li> <li>+ Khối thi mới: Toán, Ngữ văn, Sinh</li> </ul> |
| <b>YDD</b>                | Số 257 Hàn Thuyên, TP. Nam Định.<br>ĐT: (0350) 3643669<br><a href="http://www.ndun.edu.vn">Website: www.ndun.edu.vn</a> |                |                                                                                                                                 |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                       |                |                                                                                                                                 | <b>650</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                              | <b>D720501</b> | Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Hóa học                                                    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                      |                |                                                                                                                                 | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                        | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                             | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                                                                   | <b>C720501</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                                                                                        | <b>100</b>                    | học hoặc Toán, Ngữ văn, Hóa học (dự kiến xét 20% tổng chỉ tiêu đại học, cao đẳng chính quy của Nhà trường).                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | Hộ sinh                                                                                                                                                                                      | <b>C720502</b> | Toán, Ngữ văn, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Hóa học                                                              | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>7</b>                  | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ HOA TIÊN<sup>(*)</sup></b>                                                                                                                                              |                |                                                                                                                | <b>800</b>                    | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>DHH</b>                | Quốc lộ 1A, Xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.<br>ĐT: 03512.243.083/082;<br>Email: thanhtrahht@gmail.com<br><a href="http://www.hahoatien.edu.vn">Website: www.hahoatien.edu.vn</a> |                |                                                                                                                |                               | - Phương thức TS:<br>+ <i>Phương thức 1</i> - Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia. Tiêu chí và các thủ tục xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 2 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.                                                                                |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                                            |                |                                                                                                                | <b>500</b>                    | + <i>Phương thức 2</i> : Xét tuyển theo kết quả học tập và rèn luyện (theo học bạ) ở bậc THPT/GDTX. Có 2 hình thức xét tuyển tại phương thức này như sau:<br>- Xét tuyển theo kết quả học tập và rèn luyện của năm học lớp 12 bậc THPT/GDTX;<br>- Xét tuyển theo kết quả học tập và rèn luyện của các năm học lớp 10, lớp 11 và học kì I lớp 12 bậc THPT/GDTX. |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                      | <b>D340301</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                          | <b>D340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;                                                                                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                                        | <b>D340201</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Sinh học.                                                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                           | Hệ thống thông tin                                                                                                                                                                           | <b>D480104</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Ngữ văn, Hóa học, Sinh học. |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                           | Công nghệ kỹ thuật xây dựng                                                                                                                                                                  | <b>D510103</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;                                                                                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                             | <b>D510301</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;                                                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                                                                                                                                                 | <b>D510303</b> | Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Vật lí, Hoá học                                                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường                                                                                                                                                  | Tên trường/ Ngành học                        | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                    | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                            | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>    |                |                                                                                                                       | <b>300</b>                    | <p>Tiêu chí, hồ sơ và các thủ tục xét tuyển của phương thức này xem trong đề án tuyển sinh của trường đại học Hà Hoa Tiên đã được Bộ GD&amp;ĐT xác nhận tại công văn số 520/BGDĐT-KTKDCLGD ngày 2/2/2015 và đã được đăng tải trên Website của nhà trường: <a href="http://www.hahoatien.edu.vn">www.hahoatien.edu.vn</a>, Website của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>- <i>Các thông tin khác:</i> Thí sinh có thể liên hệ trực tiếp với nhà trường (theo địa chỉ, số điện thoại, Email hoặc xem trên WebSite của nhà trường ghi ở góc trái trên của bảng) để biết thêm chi tiết về các chế độ tuyển sinh của nhà trường. Trong đó lưu ý:</p> <p>- Học phí đại học: 590.000 đ/tháng;</p> <p>- Học phí cao đẳng: 489.000 đ/tháng;\</p> <p>- Kí túc xá kang trang, khép kín, có bình nóng lạnh giá 115.000 đ/tháng;</p> |
|                                                                                                                                                                            | Kế toán                                      | <b>C340301</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Quản trị kinh doanh                          | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;                                                                                                |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Tài chính - Ngân hàng                        | <b>C340201</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Sinh học.                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Hệ thống thông tin                           | <b>C480104</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Ngữ văn, Hóa học, Sinh học.        |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Tiếng Anh                                    | <b>C220201</b> | Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử<br>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí<br>Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán<br>Ngữ văn, Tiếng Anh, Sinh học |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Công nghệ kĩ thuật xây dựng                  | <b>C510103</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Vật lí, Hóa học.           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử             | <b>C510301</b> |                                                                                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hóa | <b>C510303</b> |                                                                                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                                                                                                            | Công nghệ chế tạo máy                        | <b>C510202</b> |                                                                                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| - Tất cả học sinh đến nhập học đều được giảm học phí và Kí túc xá 50% năm đầu tiên;<br>- Nhà trường giới thiệu việc làm trong tập đoàn POMIHOA theo yêu cầu của sinh viên. |                                              |                |                                                                                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                             | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                      | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8                         | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG</b>                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                         |                               | - Số chỗ ở có thể tiếp nhận trong KTX: 300.                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| HLU                       | <b>Cơ sở 1:</b> Phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh<br>ĐT: (033) 3850854. Fax: 033 3852174<br><b>Cơ sở 2:</b> 58 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh<br>ĐT: 0333.825.301. Fax: 0333.623.775<br><b>* Website:</b> daihochalong.edu.vn |                |                                                         |                               | - <b>Vùng tuyển sinh</b> các ngành đào tạo hệ cao đẳng:<br>+ Các ngành sư phạm (trừ Sư phạm mỹ thuật và Sư phạm âm nhạc): Tuyển thí sinh có hộ khẩu tại Quảng Ninh.<br>+ Các ngành còn lại: tuyển sinh trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh.<br><b>Ghi chú:</b> Sinh viên các ngành sư phạm không phải đóng học phí. |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                                                                |                |                                                         | <b>1220</b>                   | - <b>Phương thức tuyển sinh</b> hệ đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | <i>1. Các ngành đào tạo sư phạm</i>                                                                                                                                                                                                                               |                |                                                         | <b>545</b>                    | Nhà trường tuyển sinh theo hai phương thức:                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | Sư phạm Toán học                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>C140209</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán; Vật lí; Tiếng Anh        | <b>100</b>                    | <b>Phương thức 1</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                           | Sư phạm Hóa học                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>C140212</b> | Toán; Hóa học; Sinh học<br>Toán; Hóa học, Tiếng Anh     | <b>45</b>                     | Nhà trường tổ chức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Sinh học                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>C140213</b> | Toán; Hóa học; Sinh học<br>Toán; Sinh học; Tiếng Anh    | <b>45</b>                     | <b>Phương thức 2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                           | Sư phạm Ngữ văn                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>C140217</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh | <b>45</b>                     | Xét tuyển thí sinh dựa trên học lực THPT (hoặc tương đương) hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển các môn                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>C140202</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh    | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                            | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------|--------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Giáo dục Mầm non                                 | <b>C140201</b> | Toán, Ngữ văn, Năng khiếu<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                    | <b>100</b>                    | năng khiếu.<br>* Đối với hệ đại học trường sẽ thông<br>báo sau khi có quyết định của Bộ<br>GD&ĐT<br><b>Chú ý:</b> Phương thức, chỉ tiêu tuyển<br>sinh (tiêu chí, lịch tuyển sinh, phương<br>thức đăng ký, chính sách ưu tiên, lệ<br>phí,...) và các thông tin cụ thể xem tại |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                | <b>C140231</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                 | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Âm nhạc                                  | <b>C140221</b> | Ngữ văn, Hát (hệ số 2), Thẩm<br>âm, tiết tấu                                                             | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Mỹ thuật                                 | <b>C140222</b> | Văn, Hình họa (hệ số 2),<br>Trang trí                                                                    | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | <b>2. Các ngành đào tạo ngoài sư<br/>phạm</b>    |                |                                                                                                          | <b>675</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Tin học ứng dụng                                 | <b>C480202</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                        | <b>45</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Công tác xã hội                                  | <b>C760101</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     | <b>45</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Quản trị khách sạn                               | <b>C340107</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán; Vật lý; Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn<br>uống          | <b>C340109</b> |                                                                                                          | <b>80</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ<br>hành           | <b>C340103</b> |                                                                                                          | <b>80</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Việt Nam học (Chuyên ngành<br>Hướng dẫn du lịch) | <b>C220113</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán; Vật lý; Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>90</b>                     | website: <a href="http://daihochalong.edu.vn">daihochalong.edu.vn</a>                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Tiếng Anh                                        | <b>C220201</b> |                                                                                                          | <b>95</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Quản lí văn hóa                                  | <b>C220342</b> |                                                                                                          | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Khoa học thư viện                                | <b>C320202</b> |                                                                                                          | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Thanh nhạc                                       | <b>C210205</b> | Ngữ văn - Hát (hệ số 2) - Thẩm<br>âm, tiết tấu                                                           | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                          | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Hội họa                                                                                                                                                                                                                        | <b>C210103</b> | Ngữ văn - Hình họa (hệ số 2) -<br>Trang trí                                  | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>9</b>                  | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI<br/>DƯƠNG</b>                                                                                                                                                                                            |                |                                                                              | <b>2.280</b>                  | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh chủ yếu<br>trên địa bàn tỉnh, các tỉnh lân cận và<br>trong cả nước<br>- Phương thức tuyển sinh:<br>+ Tổ chức xét tuyển đại học, cao đẳng<br>hệ chính quy theo kết quả kỳ thi THPT<br>Quốc gia do các trường đại học chủ trì.<br>+ Tổ chức xét tuyển riêng đại học, cao<br>đẳng hệ chính quy dựa trên kết quả<br>học tập ở THPT của thí sinh. |
| <b>DKT</b>                | Giữa số 1002 và 1004 đại lộ Lê<br>Thanh Nghị, phường Hải Tân,<br>TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.<br>ĐT: (0320). 3866258, (0320).<br>3861121<br>Fax: (0320).3861249<br>Website: <a href="http://uhd.edu.vn">http://uhd.edu.vn</a> |                |                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo đại học:</i></b>                                                                                                                                                                                       |                |                                                                              | <b>1900</b>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Kinh tế                                                                                                                                                                                                                        | <b>D310101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                                            | <b>D340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                                                                          | <b>D340201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                                        | <b>D340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>600</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |



| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>        | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | Kỹ thuật điện, điện tử              | <b>D502201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh                                                         | <b>350</b>                             |                |
|                                    | Chăn nuôi                           | <b>D620105</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học                              | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Phát triển nông thôn                | <b>D620116</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học                              | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | <b>D340103</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>100</b>                             |                |
|                                    | Chính trị học                       | <b>D310201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Quản trị văn phòng                  | <b>D340406</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>100</b>                             |                |
|                                    | Công nghệ thông tin                 | <b>D480201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>50</b>                              |                |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>                | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>          |                     |                                                                                                          | <b>380</b>                             |                |
|                                    | Quản trị kinh doanh                         | <b>C340101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>30</b>                              |                |
|                                    | Tài chính - Ngân hàng                       | <b>C340201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Kế toán                                     | <b>C340301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>100</b>                             |                |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điện tử,<br>truyền thông | <b>C510302</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                                                         | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Công nghệ thông tin                         | <b>C480201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>30</b>                              |                |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử            | <b>C510301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                                                         | <b>60</b>                              |                |
|                                    | Quản trị văn phòng                          | <b>C340406</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>30</b>                              |                |
|                                    | Tiếng Anh                                   | <b>C220201</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                 | <b>30</b>                              |                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                    | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                             | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10                        | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG</b>                                                                                                                                                                                                          |                |                                                                                                                                | <b>3.650</b>                  | - Tuyển sinh toàn quốc ( <i>trừ ngành sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng</i> ).<br>- Phương thức tuyển sinh:<br>+ Xét tuyển 03 môn dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia;<br>+ Kết quả thi đạt ngưỡng chất lượng do Bộ GD&ĐT quy định;<br>+ Các ngành năng khiếu ( <i>khối M, T, V</i> ), xét tuyển 02 môn và thi thêm 01 môn năng khiếu tại trường Đại học Hải Phòng;                                                                                           |
| <b>THP</b>                | Số 171 Phan Đăng Lưu - Kiến An - Hải Phòng<br>ĐT: (031)3591574 Fax: (031)3876893<br><a href="http://www.dhhp.edu.vn">Website: www.dhhp.edu.vn</a><br><a href="mailto:phongktdbcl.thp@moet.edu.vn">Email: phongktdbcl.thp@moet.edu.vn</a> |                |                                                                                                                                |                               | + Đối tượng xét tuyển: thí sinh tham dự kỳ thi THPT Quốc gia tại một trong các cụm thi do các trường Đại học tổ chức.<br>- Các môn chính (chữ hoa, đậm) nhân hệ số 2.<br>- Môn Ngoại ngữ là một trong các môn: Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Pháp... được sử dụng trong kỳ thi THPT Quốc gia.<br>- Trường quy định tổ hợp các môn thi theo khối thi như sau:<br>+ Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Ngoại ngữ; Toán, Ngữ văn, Vật lý;<br>+ Toán, Hóa học, Sinh học; Toán, Hóa |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                                                                                        |                |                                                                                                                                | <b>3.300</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                                                                                                                                                         | <b>D140201</b> | Toán, Ngữ văn, Năng khiếu                                                                                                      | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                                                                                                                                                                                        | <b>D140202</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                   | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Giáo dục chính trị                                                                                                                                                                                                                       | <b>D140205</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                   | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Giáo dục thể chất                                                                                                                                                                                                                        | <b>D140206</b> | Toán, Sinh học, <b>NĂNG KHIẾU</b>                                                                                              | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Sư phạm Toán học                                                                                                                                                                                                                         | <b>D140209</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lý, Hóa học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lý, Tiếng Anh;<br><b>TOÁN</b> , Lý, Tiếng Trung;<br>Toán, Ngữ văn, Vật lý. | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------|-----------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Sư phạm Hoá học       | <b>D140212</b> | Toán, Vật lí, <b>HÓA HỌC</b> ;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Sinh học;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng<br>Trung;           | <b>40</b>                     | học, Ngoại ngữ; Toán, Sinh học,<br>Ngoại ngữ;<br>+ Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; Ngữ văn,<br>Lịch sử, Ngoại ngữ; Ngữ văn, Địa lí,<br>Ngoại ngữ;                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Ngữ văn       | <b>D140217</b> | <b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Tiếng<br>Anh;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Địa lí, Tiếng<br>Anh;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh. | <b>40</b>                     | + Toán, Ngữ văn, Ngoại Ngữ.<br>+ Toán, Ngữ văn, Năng khiếu ( <i>Hát -<br/>Kể chuyện - Đọc diễn cảm</i> );<br>+ Toán, Sinh học, Năng khiếu ( <i>Bật<br/>cao tại chỗ - Chạy 100 m - Kéo tay<br/>trên xà đơn. Thí sinh phải có ngoại<br/>hình cân đối, nam cao 1,65m, nặng<br/>45kg; nữ cao 1,55m, nặng 40kg trở<br/>lên</i> );<br>+ Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật. |
|                           | Sư phạm Địa lí        | <b>D140219</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                | <b>40</b>                     | - Các ngành: D220113; D310101;<br>D340101; D340201; D340301;<br>D480102; D480104; D480201;<br>D510203; D510301; D520216 sau<br>năm thứ nhất sẽ phân chia chuyên<br>ngành chủ yếu dựa trên kết quả học<br>tập.                                                                                                                                            |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh     | <b>D140231</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b>                                                                                                                             | <b>80</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Việt Nam học          | <b>D220113</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                       | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Ngôn ngữ Anh          | <b>D220201</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b>                                                                                                                             | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Ngôn ngữ Trung Quốc   | <b>D220204</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b><br>Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG<br/>TRUNG</b><br>Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG<br/>PHÁP</b><br>Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG NGÀ</b>         | <b>110</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b> | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                                                             | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | Văn học                      | <b>D220330</b>      | <b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Tiếng Anh;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Địa lí, Tiếng Anh;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh. | <b>40</b>                              |                |
|                                    | Kinh tế                      | <b>D310101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Vật lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                             | <b>300</b>                             |                |
|                                    | Quản trị kinh doanh          | <b>D340101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Vật lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                             | <b>300</b>                             |                |
|                                    | Tài chính - Ngân hàng        | <b>D340201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Vật lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                             | <b>200</b>                             |                |
|                                    | Kế toán                      | <b>D340301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Vật lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                             | <b>250</b>                             |                |
|                                    | Sinh học                     | <b>D420101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh, Tiếng Trung.                                          | <b>30</b>                              |                |
|                                    | Công nghệ sinh học           | <b>D420201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh, Tiếng Trung.                                          | <b>60</b>                              |                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học         | Mã<br>ngành | Môn thi/ xét tuyển                                                                                         | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú |
|---------------------------|-------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|                           | Toán học                      | D460101     | TOÁN, Vật lí, Hóa học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Trung;<br>TOÁN, Ngữ văn, Vật lí. | 40                            |         |
|                           | Truyền thông và mạng máy tính | D480102     | TOÁN, Vật lí, Hóa học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Trung;<br>TOÁN, Ngữ văn, Vật lí. | 240                           |         |
|                           | Hệ thống thông tin            | D480104     | TOÁN, Vật lí, Hóa học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Trung;<br>TOÁN, Ngữ văn, Vật lí. |                               |         |
|                           | Công nghệ thông tin           | D480201     | TOÁN, Vật lí, Hóa học;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Anh;<br>TOÁN, Vật lí, Tiếng Trung;<br>TOÁN, Ngữ văn, Vật lí. |                               |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật xây dựng   | D510103     | Toán, VẬT LÍ, Hóa học;<br>Toán, VẬT LÍ, Tiếng Anh;<br>Toán, VẬT LÍ, Tiếng Trung;<br>Toán, Ngữ văn, VẬT LÍ. | 160                           |         |
|                           | Công nghệ chế tạo máy         | D510202     | Toán, VẬT LÍ, Hóa học;<br>Toán, VẬT LÍ, Tiếng Anh;<br>Toán, VẬT LÍ, Tiếng Trung;<br>Toán, Ngữ văn, VẬT LÍ  | 70                            |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử | D510203     | Toán, VẬT LÍ, Hóa học;<br>Toán, VẬT LÍ, Tiếng Anh;<br>Toán, VẬT LÍ, Tiếng Trung;<br>Toán, Ngữ văn, VẬT LÍ. | 320                           |         |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học              | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                                     | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú |
|---------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử   | <b>D510301</b> | Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Hóa học;<br>Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Tiếng Trung;<br>Toán, Ngữ văn, <b>VẬT LÝ</b> .             |                               |         |
|                           | Kĩ thuật điều khiển và tự động hóa | <b>D520216</b> | Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Hóa học;<br>Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Tiếng Trung;<br>Toán, Ngữ văn, <b>VẬT LÝ</b>               |                               |         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật hóa học         | <b>D510401</b> | Toán, Vật lí, <b>HÓA HỌC</b> ;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Sinh học;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng Trung.         | <b>60</b>                     |         |
|                           | Kiến trúc                          | <b>D580102</b> | Toán, Vật lí, <b>VẼ MỸ THUẬT</b>                                                                                                                       | <b>60</b>                     |         |
|                           | Khoa học cây trồng                 | <b>D620110</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh.                                          | <b>40</b>                     |         |
|                           | Công tác xã hội                    | <b>D760101</b> | <b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Tiếng Anh;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Địa lí , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh. | <b>120</b>                    |         |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b> |                |                                                                                                                                                        | <b>350</b>                    |         |
|                           | Giáo dục Mầm non                   | <b>C140201</b> | Toán, Ngữ văn, Năng khiếu                                                                                                                              | <b>40</b>                     |         |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b> | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                                                                    | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | Giáo dục Tiểu học            | <b>C140202</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                 | <b>40</b>                              |                |
|                                    | Sư phạm Hóa học              | <b>C140212</b>      | Toán, Vật lí, <b>HÓA HỌC</b> ;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Sinh học;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng<br>Trung;            | <b>40</b>                              |                |
|                                    | Sư phạm Ngữ văn              | <b>C140217</b>      | <b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Tiếng<br>Anh;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Địa lí , Tiếng<br>Anh;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh. | <b>40</b>                              |                |
|                                    | Quản trị kinh doanh          | <b>C340101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Vật lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                    | <b>40</b>                              |                |
|                                    | Kế toán                      | <b>C340301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Vật lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                    | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Quản trị văn phòng           | <b>C340406</b>      | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Địa lí , Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                       | <b>30</b>                              |                |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                         | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                  | <b>C480201</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Trung;<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Vật lí. | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ kĩ thuật xây dựng                                                                                                          | <b>C510103</b> | Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Hóa học;<br>Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Tiếng Trung;<br>Toán, Ngữ văn, <b>VẬT LÍ</b>   | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>11</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG<br/>HẢI VIỆT NAM</b>                                                                                          |                |                                                                                                                                            | <b>3700</b>                   | <p>Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia và xét tuyển theo kết quả học tập, rèn luyện 03 năm THPT:</p> <p><b>- Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia:</b> áp dụng đối với tất cả các chuyên ngành ĐH, CĐ và liên thông CĐ-ĐH. Điểm trúng tuyển theo từng <b>chuyên ngành đào tạo</b> với chỉ tiêu (CT) cụ thể như sau:</p> <p>+ <i>Khoa học hàng hải:</i> 03 chuyên ngành: Điều khiển tàu biển (180CT), Khai thác máy tàu biển (135CT), Luật hàng hải (90CT).</p> <p>+ <i>Kỹ thuật điện tử, truyền thông:</i> chuyên ngành Điện tử viễn thông (90CT).</p> <p>+ <i>Kỹ thuật điều khiển &amp; TĐH:</i> 03 chuyên ngành: Điện tự động tàu thủy (90CT), Điện tự động công nghiệp</p> |
| <b>HHH</b>                | Số 484 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.<br>Điện thoại:<br>031.3851657/3.735138<br>Website:<br>tuyensinh.vimaru.edu.vn |                |                                                                                                                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                    |                |                                                                                                                                            | <b>3200</b>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | <b>Nhóm 01: Kỹ thuật &amp; Công nghệ</b>                                                                                             | <b>D01</b>     |                                                                                                                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Khoa học Hàng hải                                                                                                                    | <b>D840106</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Sinh học                                 | <b>315</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kỹ thuật điện tử, truyền thông                                                                                                       | <b>D520207</b> |                                                                                                                                            | <b>90</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá                                                                                                   | <b>D520216</b> |                                                                                                                                            | <b>315</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kỹ thuật tàu thủy                                                                                                                    | <b>D520122</b> |                                                                                                                                            | <b>180</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kỹ thuật cơ khí                                                                                                                      | <b>D520103</b> |                                                                                                                                            | <b>270</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kỹ thuật công trình biển                                                                                                             | <b>D580203</b> |                                                                                                                                            | <b>135</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kỹ thuật công trình xây dựng                                                                                                         | <b>D580201</b> |                                                                                                                                            | <b>90</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                           | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                                | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông                         | <b>D580205</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;                                                                                                | <b>90</b>                     | (135CT), TĐH hệ thống điện (90CT).<br>+ <i>Kỹ thuật tàu thủy</i> : 03 chuyên ngành: Máy tàu thủy (90CT), Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi (45CT), Đóng tàu & công trình ngoài khơi (45CT).                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Kỹ thuật môi trường                                             | <b>D520320</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;                                                                                                                         | <b>135</b>                    | + <i>Kỹ thuật cơ khí</i> : 05 chuyên ngành: Máy nâng chuyên (45CT), Kỹ thuật cơ khí (90CT), Cơ điện tử (45CT), Kỹ thuật ô tô (45CT), Kỹ thuật nhiệt lạnh (45CT).<br>+ <i>Kỹ thuật công trình biển</i> : 02 chuyên ngành: Xây dựng công trình thủy (90CT), Kỹ thuật an toàn hàng hải (45CT).                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ thông tin                                             | <b>D480201</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                                                                                                                           | <b>270</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kỹ thuật công trình xây dựng                                    | <b>D580201</b> | Toán, Vật lí, Vẽ mỹ thuật<br>Toán, Hóa học, Vẽ mỹ thuật<br>Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật<br>Toán, Anh, Vẽ mỹ thuật<br>( <i>Vẽ mỹ thuật hệ số 2</i> ) | <b>45</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | <b>Nhóm 02: Kinh tế &amp; Luật</b>                              | <b>D02</b>     |                                                                                                                                                   |                               | + <i>Kỹ thuật công trình xây dựng</i> : 02 chuyên ngành: Xây dựng dân dụng & công nghiệp (90CT), Kiến trúc dân dụng & CN (45CT).<br>+ <i>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</i> : chuyên ngành Kỹ thuật cầu đường (90CT).<br>+ <i>Công nghệ thông tin</i> : 03 chuyên ngành: CN thông tin (90CT), KT phần mềm (90CT), Truyền thông & mạng máy tính (90CT).<br>+ <i>Kỹ thuật môi trường</i> : 02 chuyên ngành: KT môi trường (90CT), KT |
|                           | Kinh tế vận tải                                                 | <b>D840104</b> | Toán, Vật lí, Hóa học                                                                                                                             | <b>315</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kinh doanh quốc tế                                              | <b>D340120</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh                                                                                                                           | <b>135</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Quản trị kinh doanh                                             | <b>D340101</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                                                          | <b>225</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Khoa học Hàng hải                                               | <b>D840106</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                                                                                                                           | <b>90</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | <b>Nhóm 03: Ngôn ngữ</b>                                        | <b>D03</b>     |                                                                                                                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Ngôn ngữ Anh                                                    | <b>D220201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Địa lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh<br>( <i>Tiếng Anh hệ số 2</i> )     | <b>120</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | <b>Nhóm 04: Các chương trình đào tạo đại học chất lượng cao</b> | <b>D04</b>     | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kinh tế vận tải                                                 | <b>D840104</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                                                          | <b>90</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kinh doanh quốc tế                                              | <b>D340120</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                                                                                                                           | <b>90</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                          | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                               | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b>Nhóm 05: Các chương trình<br/>tiên tiến:</b>                                | <b>D05</b>     | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh |                               | hóa dầu (45CT).<br>+ <i>Kinh tế vận tải</i> : 04 chuyên ngành:<br>Kinh tế vận tải biển (135CT); Kinh tế<br>vận tải thủy (45CT); Logistics<br>(135CT); Kinh tế Hàng hải và Toàn<br>cầu hóa ( <i>Chương trình tiên tiến</i> ).                                                           |
|                           | Kinh tế vận tải                                                                | <b>D840104</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Kinh doanh quốc tế                                                             | <b>D340120</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                          | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | <b>Các ngành đào tạo liên thông<br/>từ Cao đẳng lên Đại học chính<br/>quy:</b> |                |                                                  |                               | + <i>Kinh doanh quốc tế</i> : 02 chuyên<br>ngành: Kinh tế ngoại thương (135CT);<br>Kinh doanh quốc tế và Logistics<br>( <i>Chương trình tiên tiến</i> ).                                                                                                                               |
|                           | (Chỉ tiêu nằm trong chỉ tiêu Đại<br>học)                                       |                |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | <b>Nhóm 01: Kỹ thuật &amp; Công nghệ</b>                                       | <b>D01</b>     |                                                  |                               | + <i>Quản trị kinh doanh</i> : 02 chuyên<br>ngành: Quản trị kinh doanh (135CT),<br>Tài chính kế toán (90CT).                                                                                                                                                                           |
|                           | Khoa học Hàng hải                                                              | <b>D840106</b> |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Kỹ thuật điều khiển và tự động<br>hóa                                          | <b>D520216</b> |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Kỹ thuật công trình xây dựng                                                   | <b>D580201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh |                               | + <i>Ngôn ngữ Anh</i> : 02 chuyên ngành:<br>Tiếng Anh thương mại (60CT), Ngôn<br>ngữ Anh (60CT).                                                                                                                                                                                       |
|                           | Kỹ thuật tàu thủy                                                              | <b>D520122</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Công nghệ thông tin                                                            | <b>D480201</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | <b>Nhóm 02: Kinh tế &amp; Luật</b>                                             | <b>D02</b>     |                                                  |                               | + <b>Chương trình đào tạo chất lượng<br/>cao</b> : tăng cường điều kiện giảng dạy,<br>học tập; giảng viên giỏi; chương trình<br>tiên tiến với 20% giảng dạy bằng<br>Tiếng Anh; chuẩn đầu ra Tin học,<br>Ngoại ngữ quốc tế đạt trên mức thông<br>thường. Học phí bằng 2 lần hệ đại trà. |
|                           | Kinh tế vận tải                                                                | <b>D840104</b> |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                            | <b>D340101</b> |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                             |                |                                                  | <b>500</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | <b>Nhóm 01: Kỹ thuật &amp; Công nghệ</b>                                       | <b>C01</b>     |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Điều khiển tàu biển                                                            | <b>C840107</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh | <b>90</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Vận hành khai thác máy tàu                                                     | <b>C840108</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>45</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự<br>động hoá                                | <b>C510303</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                          | <b>90</b>                     | + <b>Chương trình tiên tiến</b> (liên kết với<br>Học viện Hàng hải California – Hoa<br>Kỳ): giảng dạy bằng Tiếng Anh, xét<br>tuyển kết hợp điểm thi THPT Quốc<br>gia và kiểm tra Tiếng Anh đầu vào.                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật công trình<br>xây dựng                                      | <b>C510102</b> |                                                  | <b>45</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                               | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b>Nhóm 02: Kinh tế &amp; Luật</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>C02</b>     | Toán, Vật lí, Hóa học                            |                               | Học phí năm thứ Nhất:<br>2.000.000đ/tháng, điều chỉnh không<br>quá 15%                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Khai thác vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>C840101</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh                          | <b>95</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>C340101</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>135</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | <b>- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập và rèn luyện 03 năm THPT:</b> áp dụng với 2 chuyên ngành Điều khiển tàu biển (ĐH, CĐ), Khai thác máy tàu biển (ĐH, CĐ) với 20% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành.<br><b>- Lịch thi năng khiếu Vẽ mỹ thuật:</b> đăng ký trực tiếp hoặc gửi đơn về Trường từ 01/5 - 10/7/2015. Tổ chức thi tại Trường ngày 18 & 19/7/2015. Mẫu đơn đăng ký xem tại Website: <a href="http://tuyensinh.vimaru.edu.vn">http://tuyensinh.vimaru.edu.vn</a> Nhà trường có xét tuyển bổ sung các thí sinh đã dự thi môn năng khiếu Vẽ mỹ thuật tại Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, Trường ĐH Xây dựng Hà Nội tổ chức năm 2015.<br><b>- Phạm vi tuyển sinh:</b> tuyển sinh cả nước.<br><b>- Các ngành đi biển:</b> Điều khiển tàu biển, Khai thác máy tàu biển không tuyển Nữ<br><b>- Mọi chi tiết về thông tin tuyển sinh của Nhà trường mời truy cập Website:</b><br><a href="http://tuyensinh.vimaru.edu.vn">http://tuyensinh.vimaru.edu.vn</a> |                |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>12</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU NINH BÌNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                  | <b>800</b>                    | <b>- Vùng tuyển sinh:</b> Tuyển sinh trong cả nước.<br><br><b>- Phương thức TS:</b><br>+ Ngành Giáo dục mầm non (trình độ đại học): xét tuyển dựa vào kết quả các môn Văn, Toán của kỳ thi THPT Quốc gia và thi tuyển môn Năng khiếu (Độc - Kể diễn cảm; Hát). Phần thi Năng khiếu được tổ chức tại trường Đại học |
| <b>DNB</b>                | Xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình.<br>ĐT: (0303).892240; 892701<br><a href="http://www.hlu.edu.vn">Website: www.hlu.edu.vn</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                |                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                                                  | <b>550</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | Sư phạm Toán học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>D140209</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | Sư phạm Vật lí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>D140211</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                     | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                            | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------|-------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Sư phạm Hóa học                           | <b>D140212</b> | Toán, Hoá học, Vật lí<br>Toán, Hoá, Tiếng Anh                                 |                               | <p>Hồng Đức – Thanh Hóa.<br/>+ Ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng): Không tổ chức phần thi năng khiếu mà xét tuyển dựa vào kết quả các môn Văn, Toán của kỳ thi THPT Quốc gia và điểm thi môn năng khiếu (chỉ áp dụng đối với những thí sinh ĐKXT vào trường ĐH Hoa Lư đã dự thi năng khiếu tại trường ĐH Hồng Đức)</p> <p>+ Các ngành khác (cả trình độ cao đẳng và đại học): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với các tổ hợp môn đã công bố cho từng ngành tại cột (4)</p> <p>- Ký túc xá: Trường có khu ký túc xá khép kín, đáp ứng chỗ ở cho 600 - 700 sinh viên</p> |
|                           | Sư phạm Sinh học                          | <b>D140213</b> | Toán, Sinh học, Hoá học<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Sư phạm Ngữ văn                           | <b>D140217</b> | Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử<br>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh                        |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Giáo dục chính trị                        | <b>D140205</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Giáo dục Mầm non                          | <b>D140201</b> | Ngữ văn, Toán, Năng khiếu<br>(Đọc, kể diễn cảm; Hát)                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Kế toán                                   | <b>D340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Quản trị kinh doanh                       | <b>D340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Khoa học cây trồng                        | <b>D620110</b> | Toán, Sinh học, Hoá học<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Việt Nam học                              | <b>D220113</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b> |                |                                                                               | <b>250</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Giáo dục Tiểu học                         | <b>C140202</b> | Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Vật lí, Hóa học |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                          |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Sư phạm Toán học                                                                                     | <b>C140209</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                             |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Vật lí                                                                                       | <b>C140211</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                             |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Hoá học                                                                                      | <b>C140212</b> | Toán, Hoá học, Vật lí<br>Toán, Hoá, Tiếng Anh                                |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Sinh học                                                                                     | <b>C140213</b> | Toán, Sinh học, Hoá học<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh                         |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                     | <b>C140201</b> | Văn, Toán, Năng khiếu<br>(Đọc, kể diễn cảm; Hát)                             |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                                                                    | <b>C140231</b> | Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                          |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Việt Nam học                                                                                         | <b>C220113</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh                         |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Khoa học thư viện                                                                                    | <b>C320202</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh                         |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                  | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                  |
|                           | Kế toán                                                                                              | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                  |
| <b>13</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH<br/>BẮC<sup>(*)</sup></b>                                                     |                |                                                                              | <b>1850</b>                   | -Tuyển sinh trong cả nước<br>- <b>Phương thức TS:</b> Xét tuyển<br>1- Sử dụng kết quả kì thi THPT Quốc gia để xét tuyển, xét tuyển 3 môn theo tổ hợp tự chọn (điểm xét tuyển tối |
| <b>UKB</b>                | Phố Phúc Sơn – phường Vũ Ninh<br>– TP. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh<br>ĐT: <b>02413.872894 - 3872895</b> |                |                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                  |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                       | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                     | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                |
|---------------------------|---------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo đại học:</i></b>    |                |                                                                                                                                        | <b>1800</b>                   | thiếu do Bộ GD&ĐT quy định).                                                                                                           |
|                           | Kế toán                                     | <b>D340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí                                  |                               | 2- Sử dụng kết quả học tập ở bậc                                                                                                       |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                       | <b>D340201</b> |                                                                                                                                        |                               | THPT: Điểm TBTK lớp 12 để xét                                                                                                          |
|                           | Quản trị kinh doanh                         | <b>D340101</b> |                                                                                                                                        |                               | tuyển + UTKV – Từ 6.0 điểm trở lên                                                                                                     |
|                           | Công nghệ thông tin                         | <b>D480201</b> |                                                                                                                                        |                               | xét vào học hệ đại học và 5.5 điểm trở                                                                                                 |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện tử,<br>truyền thông | <b>D510302</b> |                                                                                                                                        |                               | lên xét học cao đẳng.                                                                                                                  |
|                           | Quản lý xây dựng                            | <b>D580302</b> |                                                                                                                                        |                               | - <b>Học phí:</b> Hệ ĐH = 750.000đ/tháng;<br>CD = 620.000đ/tháng.                                                                      |
|                           | Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ<br>hành.     | <b>D340103</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                               |                               | - <b>Kí túc xá:</b> 90.000/tháng (Trường<br>tặng 50% ,năm thứ nhất SV chỉ nộp<br>45.000đ/tháng.)                                       |
|                           | Kiến trúc                                   | <b>D580102</b> | Toán, Vật lí, Về mỹ thuật (NK)<br>Toán, Hóa học, Về Mỹ thuật(NK)<br>Toán, Ngữ văn, Về Mỹ thuật(NK)<br>Toán, Tiếng Anh, Về Mỹ thuật(NK) |                               | <b>Điểm xét tuyển cao nhất</b> là thủ khoa<br>của Trường được <b>tặng 100%</b> học phí,-<br>Á khoa được tặng 50% HP toàn khóa<br>học . |
|                           | Thiết kế đồ họa                             | <b>D210403</b> | Ngữ văn và các môn năng<br>khiếu                                                                                                       |                               | - <b>Tặng 50% HP năm đầu:</b> Xét 3 môn<br>theo tổ hợp– mỗi môn cao hơn điểm<br>xét tuyển 1 điểm                                       |
|                           | Thiết kế thời trang                         | <b>D210404</b> | Ngữ văn và các môn năng<br>khiếu                                                                                                       |                               | - <u>Xét học bạ:</u> Điểm TB kết quả học tập<br>lớp 12) đạt 7,0 trở lên.                                                               |
|                           | Thiết kế nội thất                           | <b>D210405</b> | Ngữ văn và các môn năng<br>khiếu                                                                                                       |                               | - Có việc làm thêm ngoài giờ học cho<br>sinh viên( <i>nếu có nhu cầu</i> )/thu nhập từ<br>2 đến 3 triệu đồng/tháng.                    |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>   |                |                                                                                                                                        | <b>50</b>                     |                                                                                                                                        |
|                           | Kế toán                                     | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí                                  |                               |                                                                                                                                        |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Quản trị dịch vụ, du lịch và lữ hành.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>C340103</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | <b>Điểm các môn năng khiếu:</b> sử dụng kết quả thi môn năng khiếu của trường và của các Trường đại học có tổ chức thi các môn năng khiếu để xét tuyển.                                                                                                                                                                                         |                |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>14</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |                                                                                                          | <b>6.500</b>                  | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.<br>- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành đào tạo.                                                                                                                                                             |
| <b>DKK</b>                | - Cơ sở Hà Nội: Số 456 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.<br>ĐT: (04)36331854<br>- Cơ sở Nam Định: Số 353 Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định -<br>ĐT: (0350)3842747<br><a href="http://www.uneti.edu.vn">Website: www.uneti.edu.vn</a><br><a href="http://www.tuyensinh.uneti.edu.vn">www.tuyensinh.uneti.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                               | - Thí sinh được tùy ý lựa chọn địa điểm học tập tại cơ sở Hà Nội hoặc cơ sở Nam Định của nhà trường theo nhu cầu của cá nhân.<br>- Miễn phí 500 chỗ ở KTX năm học 2015 - 2016 cho thí sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nguyện vọng học tập tại cơ sở Nam Định. |
|                           | <b>Đại học hệ chính quy:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                                                                          | <b>5.000</b>                  | <b>* Phương thức tuyển sinh trình độ đại học:</b>                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Công nghệ Sợi, Dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>D540202</b> | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                           | <b>150</b>                    | - Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia do Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hoặc các trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo ủy quyền chủ trì việc tổ chức coi thi, chấm thi.<br>- Đối với thí sinh hệ Liên thông, phải                              |
|                           | Công nghệ May                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>D540204</b> |                                                                                                          | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>D480201</b> |                                                                                                          | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>D510303</b> |                                                                                                          | <b>450</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>D510301</b> |                                                                                                          | <b>450</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>D510302</b> |                                                                                                          | <b>450</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                        | Mã<br>ngành | Môn thi/ xét tuyển                                                                                         | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                    | D510201     | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh                             | 500                           | <p>trực tiếp nộp hồ sơ tại Trường để sơ duyệt trước ngày 09/4/2015. Hồ sơ gồm: Đơn sơ tuyển, Bảng điểm CĐ (bản sao công chứng), Bảng Tốt nghiệp CĐ cùng ngành (bản sao công chứng). Nếu đạt vòng sơ tuyển, mới được tham gia xét tuyển. Nhà trường sẽ thông báo kết quả sơ tuyển trước ngày 09/5/2015 trên trang Website của trường.</p> <p>- Các điều kiện của vòng sơ tuyển là: Có đủ hồ sơ sơ tuyển, là đối tượng liên thông dọc (liên thông cùng ngành đào tạo), tốt nghiệp CĐ chính quy tại các trường CĐ đã có báo cáo tự đánh giá và triển khai kiểm định chất lượng theo tiến độ do Bộ GD&amp;ĐT quy định và các trường CĐ phải có chương trình đào tạo đảm bảo tối thiểu bằng 80% so với chương trình chuẩn đào tạo CĐ hệ chính quy của nhà trường.</p> <p><b>* Phương thức tuyển sinh trình độ cao đẳng:</b></p> <p><b>- Đối tượng 1:</b> Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia do Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hoặc các trường đại học được Bộ Giáo dục</p> |
|                           | Kế toán                                                                      | D340301     |                                                                                                            | 650                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                          | D340101     |                                                                                                            | 600                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                        | D340201     |                                                                                                            | 550                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ thực phẩm                                                          | D540101     | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh học, Hóa học | 400                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | <b>Đại học liên thông chính quy</b> (tất cả các ngành như đại học chính quy) |             |                                                                                                            | 200                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | <b>Cao đẳng hệ chính quy:</b>                                                |             |                                                                                                            | 1.300                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ sợi, dệt                                                           | C540202     | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh                             | 50                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ may                                                                | C540204     |                                                                                                            | 150                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ thông tin                                                          | C480201     |                                                                                                            | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá                                 | C510303     |                                                                                                            | 150                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                             | C510301     |                                                                                                            | 150                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông                                     | C510302     |                                                                                                            | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                    | C510201     |                                                                                                            | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Kế toán                                                                      | C340301     |                                                                                                            | 200                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                          | C340101     |                                                                                                            | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                        | C340201     |                                                                                                            | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ thực phẩm                                                          | C540101     | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh học, Hóa học | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển      | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b>- Đối tượng 2:</b> Xét tuyển học bạ kết quả học tập bậc THPT (sau khi xét tuyển Đối tượng 1 nhưng vẫn còn chỉ tiêu). Với các tiêu chí: + Phải tốt nghiệp THPT; + Xét tổng điểm trung bình của 3 môn ở 5 học kỳ THPT (không nhân hệ số) phải đạt từ 5,5 điểm trở lên; + Hạnh kiểm năm học lớp 12 xếp loại Khá trở lên. |                |                         |                               | và Đào tạo ủy quyền chủ trì việc tổ chức coi thi, chấm thi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 15                        | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - HẬU CẦN CÔNG AN NHÂN DÂN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                         | 350                           | - Phương thức tuyển sinh: Trường dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.<br>- Thí sinh dự tuyển phải qua sơ tuyển tại Công an tỉnh, TP trực thuộc Trung ương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.<br>- Vùng tuyển sinh: Toàn quốc.                                                                                                                                          |
| <b>HCB</b><br><b>HCN</b>  | Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. ĐT: 0241.3969011                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                |                         | 350                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>D480201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kỹ thuật điện tử, truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>D520207</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | - Thí sinh phía Bắc                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | - Thí sinh phía Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 16                        | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |                         | 900                           | Tuyển sinh trong cả nước<br>Phương thức tuyển sinh : Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia<br><b>Ngành:</b><br>- Hộ sinh: Không tuyển Nam<br>- Kỹ thuật hình ảnh : Không tuyển nữ<br>- Điều dưỡng (Đại học) có các chuyên ngành: Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng Nha khoa, Điều dưỡng Gây mê hồi sức, Điều dưỡng sản phụ khoa<br>- Điều dưỡng (Cao đẳng) có các |
| <b>DKY</b>                | Số 1 – phố Vũ Hựu – P. Thanh Bình - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương<br><b>Website :</b><br><a href="http://www.hmtu.edu.vn">http://www.hmtu.edu.vn</a><br><b>Email : hmtu@vnn.vn</b><br>ĐT: (0320) 3891.799, (0320) 3891.788<br>Fax: (0320) 3891.897                                                                |                |                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã<br>ngành                                                    | Môn thi/ xét tuyển                                                        | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                |                                                                           | <b>520</b>                    | chuyên ngành : Điều dưỡng đa khoa,<br>Điều dưỡng Nha khoa, Điều dưỡng<br>Gây mê hồi sức.<br>* KTX : Có 400 chỗ cho khóa tuyển<br>sinh năm 2015<br><b>Trường thực hiện sơ tuyển:</b> áp dụng<br>cho các thí sinh dự tuyển vào các<br>ngành hệ đại học của trường, cụ thể: +<br>Có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên<br>trong 3 năm học PTTH (lớp 10,11,12)<br>* Đối với ngành Y Đa khoa (bác sỹ đa<br>khoa thời gian đào tạo 6 năm): có điểm<br>trung bình chung của mỗi môn Toán, Hoá<br>học, Sinh học 5 học kỳ THPT (6 kỳ đối<br>với các thí sinh đã tốt nghiệp các năm<br>trước) đạt 6,5/10 trở lên. |
|                           | Y đa khoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>D720101</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Kỹ thuật hình ảnh y học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>D720330</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>70</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>D720503</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Xét nghiệm y học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>D720332</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>130</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>D720501</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>220</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                |                                                                           | <b>380</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Kỹ thuật hình ảnh y học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>C720330</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Xét nghiệm y học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>C720332</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>80</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>C720503</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>C720501</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>160</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Hộ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>C720502</b>                                                 | Toán, Sinh học, Hoá học                                                   | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | * Đối với các ngành hệ cử nhân (Điều dưỡng và Kỹ thuật y học thời gian đào tạo 4 năm): có điểm trung bình chung của mỗi môn Toán, Hoá học, Sinh học 5 học kỳ THPT (6 kỳ đối với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm trước) đạt 6,0/10 trở lên.<br>* Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT<br>* <b>Thông tin chi tiết có thể xem tại trang website của nhà trường :</b><br><b>http://www.hmtu.edu.vn</b> |                                                                |                                                                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | <b>17</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN<br/>LẬP LƯƠNG THẾ VINH<sup>(*)</sup></b> |                                                                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>DTV</b>                | Tổ 36, phường Lộc Vượng, TP.<br>Nam Định, tỉnh Nam Định<br><a href="http://www.ltvu.edu.vn">Website: www.ltvu.edu.vn</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                |                                                                           |                               | - Phương thức TS:<br>+ Trình độ đại học:<br>Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kì<br>thi THPT Quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                |                                                                           | <b>700</b>                    | Trường tuyển sinh dựa vào tổng điểm<br>3 môn theo khối thi của năm lớp 12.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>D480201</b>                                                 | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn | <b>100</b>                    | + Trình độ cao đẳng:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>              | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                             | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng    | <b>D510102</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn                             | <b>150</b>                             | Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.<br>Trường tuyển sinh dựa vào tổng điểm 3 môn theo khối thi của năm lớp 12.<br>* Ngoại ngữ gồm: Tiếng Anh, Tiếng Nga Tiếng Pháp, Tiếng Trung |
|                                    | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông   | <b>D580205</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn                             | <b>100</b>                             |                                                                                                                                                                                                     |
|                                    | Ngôn ngữ Anh                              | <b>D220201</b>      | Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ<br>Văn, Sử, Ngoại ngữ                            | <b>50</b>                              |                                                                                                                                                                                                     |
|                                    | Kế toán                                   | <b>D340301</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ | <b>100</b>                             |                                                                                                                                                                                                     |
|                                    | Tài chính - Ngân hàng                     | <b>D340201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ | <b>100</b>                             |                                                                                                                                                                                                     |
|                                    | Quản trị kinh doanh                       | <b>D340101</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ | <b>100</b>                             |                                                                                                                                                                                                     |
|                                    | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b> |                     |                                                                                                       | <b>200</b>                             |                                                                                                                                                                                                     |
|                                    | Tin học ứng dụng                          | <b>C480202</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn                             | <b>30</b>                              |                                                                                                                                                                                                     |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                          | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng                                                                                                         | <b>C510102</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn                                | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                                                                                      | <b>C510201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn                                | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Kế toán                                                                                                                                        | <b>C340301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ    | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                          | <b>C340201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ    | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Việt Nam học (Văn hóa du lịch)                                                                                                                 | <b>C220113</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                      | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>18</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ</b>                                                                                                                   |                |                                                                                                          | <b>4800</b>                   | <b>1. Vùng tuyển sinh:</b> Tuyển sinh trong cả nước.<br><b>2. Phương thức tuyển sinh:</b><br>* <b>Phương thức 1:</b> Xét tuyển Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo khối dựa trên kết quả của kì thi THPT Quốc gia. Nhà trường sử dụng các tổ hợp của 3 môn thi để xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo.<br>- Điểm trúng tuyển theo ngành. |
| <b>SDU</b>                | Số 24 Thái học 2, Phường Sao Đỏ, TX. Chí Linh, Hải Dương. ĐT: 03203 882 269<br><a href="http://www.saodo.edu.vn">Website: www.saodo.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                              |                |                                                                                                          | <b>3800</b>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                                                                                      | <b>D510201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                    | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------|------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ kỹ thuật ô tô                  | <b>D510205</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               | <p>- Thí sinh phải đạt ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định</p> <p><b>* Phương thức 2:</b> Xét tuyển đại học, cao đẳng chính quy dựa trên kết quả học tập tại THPT của thí sinh cho tất cả các ngành đào tạo.</p> <p>- Điểm trúng tuyển theo ngành.</p> <p><b>Điều kiện xét tuyển:</b></p> <p>- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT</p> <p><b>- Thí sinh phải đạt ngưỡng điểm xét tuyển:</b></p> <p>- Điểm trung bình các môn xét tuyển:<br/>+ Đại học <math>\geq 6,0</math> điểm;<br/>+ Cao đẳng <math>\geq 5,5</math> điểm.</p> <p>- Hạnh kiểm từ loại Khá trở lên.</p> <p><b>Điểm xét tuyển = <math>(M_1 + M_2 + M_3) + U \cdot T</math></b><br/>(<math>M_1</math> là điểm trung bình các môn lớp 10; <math>M_2</math> là điểm trung bình các môn lớp 11; <math>M_3</math> là điểm trung bình các môn lớp 12)</p> <p><b>3. Các thông tin khác:</b></p> <p>- Số lượng chỗ ở trong KTX: 1200 chỗ</p> <p>- Trường Đại học Sao Đỏ là Trường công lập thuộc Bộ Công thương, đào tạo đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực; Là</p> |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử         | <b>D510301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | <b>D510302</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công nghệ thông tin                      | <b>D480201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công nghệ thực phẩm                      | <b>D540101</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công nghệ kỹ thuật hóa học               | <b>D510401</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công nghệ may                            | <b>D540204</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b> | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                                                                                                                        | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------|------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | Quản trị kinh doanh          | <b>D340101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh                                                                                                         |                                        | <p>cơ sở đào tạo có uy tín cao về chất lượng đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay và làm việc đúng ngành, nghề, có thu nhập ổn định.</p> <p>- Nhà trường có chế độ học bổng cho sinh viên học giỏi; miễn giảm học phí cho sinh viên là con em gia đình chính sách.</p> <p>- Mọi thông tin chi tiết tham khảo tại địa chỉ website: <a href="http://www.saodo.edu.vn">www.saodo.edu.vn</a></p> |
|                                    | Kế toán                      | <b>D340301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh                                                                                                         |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                    | Tài chính - Ngân hàng        | <b>D340201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh                                                                                                         |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                    | Việt Nam học                 | <b>D220113</b>      | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh                                                                                                    |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                    | Ngôn ngữ Anh                 | <b>D220201</b>      | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh                                                                                                 |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                    | Ngôn ngữ Trung Quốc          | <b>D220204</b>      | Toán, Vật lí, Tiếng Trung Quốc<br>hoặc Tiếng Anh<br>Toán, Văn, Tiếng Trung Quốc<br>hoặc Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung<br>Quốc hoặc Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung<br>Quốc hoặc Tiếng Anh |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>              | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | Công nghệ kỹ thuật xây dựng               | <b>D510103</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng    | <b>D510102</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b> |                     |                                                                                                          | <b>1000</b>                            |                |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                 | <b>C510201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Công nghệ hàn                             | <b>C510503</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật ô tô                   | <b>C510205</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Công nghệ may                             | <b>C540204</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |



| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>                | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử            | <b>C510301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điện tử,<br>truyền thông | <b>C510302</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Công nghệ thông tin                         | <b>C480201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật hóa học                  | <b>C510401</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học  |                                        |                |
|                                    | Công nghệ thực phẩm                         | <b>C540102</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học  |                                        |                |
|                                    | Tài chính - Ngân hàng                       | <b>C340201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |
|                                    | Quản trị kinh doanh                         | <b>C340101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                            | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Kế toán                                                                                                                                          | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Việt Nam học                                                                                                                                     | <b>C220113</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>19</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ<br/>PHẠM HÀ NỘI 2</b>                                                                                                       |                |                                                                                                                   | <b>2.500</b>                  | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.<br>- Phương thức tuyển sinh: Dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.<br>- <b>Điều kiện xét tuyển:</b><br>1. Thí sinh dự thi tại cụm thi do các trường đại học chủ trì.<br>2. Tốt nghiệp THPT.<br>3. Hạnh kiểm cả 6 học kì bậc THPT từ loại khá trở lên.<br>4. Ngành sư phạm không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.<br>+ Đối với các ngành Sư phạm Ngữ văn, Văn học, Việt Nam học, Giáo dục Công dân, Giáo dục Tiểu học thí sinh không học môn Ngoại ngữ hoặc học trong điều kiện không đảm bảo chất lượng nếu chọn tổ hợp 3 môn Toán, |
| <b>SP2</b>                | Số 32, Nguyễn Văn Linh - Xuân Hòa - Phúc Yên - Vĩnh Phúc<br>ĐT: (0211) 3 863 416<br><a href="http://www.hpu2.edu.vn">Website:www.hpu2.edu.vn</a> |                |                                                                                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | <b>A. Các ngành sư phạm:</b>                                                                                                                     |                |                                                                                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Toán học                                                                                                                                 | <b>D140209</b> | <b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Ngữ văn                                                                                                                                  | <b>D140217</b> | Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Trung Quốc;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                                                                                                                | <b>D140231</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b>                                                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Vật lí                                                                                                                                   | <b>D140211</b> | Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Hóa học;<br>Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Ngữ văn               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học        | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                      | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Sư phạm Hóa học              | <b>D140212</b> | Toán, Vật lý, <b>HÓA HỌC</b> ;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng Anh                                                      |                               | <p>Ngữ văn, Ngoại ngữ thì môn Ngoại ngữ có thể chọn môn thay thế là Lịch sử hoặc Địa lí.</p> <p>+ Ngành Giáo dục Thể chất và ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh chỉ tuyển thí sinh thể hình cân đối: nam cao tối thiểu 1,65m nặng 45kg trở lên, nữ cao tối thiểu 1,55m nặng 40kg trở lên (thí sinh không đủ các yêu cầu về thể hình nếu trúng tuyển sẽ bị loại khi nhập học).</p> <p>+ Môn năng khiếu ngành giáo dục thể chất thi hai nội dung: Bật xa tại chỗ và chạy cự ly 400m.</p> <p>+ Môn năng khiếu ngành Giáo dục mầm non thi ba nội dung: Kể chuyện, Đọc diễn cảm, Hát.</p> <p>+ Môn năng khiếu khối Giáo dục mầm non không nhân hệ số; môn năng khiếu ngành giáo dục thể chất nhân hệ số 2.</p> <p>+ Thời gian cụ thể thi các môn năng khiếu được thông báo trên website nhà trường.</p> <p>- <b>Xét tuyển:</b> Lấy tổng điểm thi theo tổ hợp các môn thi của từng ngành và điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng; môn thi chính nhân hệ số 2, lấy từ cao</p> |
|                           | Sư phạm Sinh học             | <b>D140213</b> | Toán, Hóa học, <b>SINH HỌC</b> ;<br>Toán, Tiếng Anh, <b>SINH HỌC</b>                                                    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm Tin học              | <b>D140210</b> | <b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh;<br><b>TOÁN</b> , Vật lý, Hóa học;                                                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm Lịch sử              | <b>D140218</b> | Ngữ văn, <b>LỊCH SỬ</b> , Địa lí;<br>Ngữ văn, <b>LỊCH SỬ</b> , Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, <b>LỊCH SỬ</b> , Tiếng Trung Quốc |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm kỹ thuật công nghiệp | <b>D140214</b> | Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Hóa học;<br>Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>VẬT LÝ</b> , Ngữ văn                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp | <b>D140215</b> | Toán, Hóa học, <b>SINH HỌC</b> ;<br>Toán, Tiếng Anh, <b>SINH HỌC</b>                                                    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Giáo dục Tiểu học            | <b>D140202</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lý, Hóa học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, <b>NGỮ VĂN</b> , Tiếng Anh                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Giáo dục Mầm non             | <b>D140201</b> | Toán, Ngữ văn, Năng khiếu;<br>Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu;<br>Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Giáo dục Thể chất            | <b>D140206</b> | Sinh học, Năng khiếu;<br>Toán, Năng khiếu                                                                               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học              | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                   | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Giáo dục công dân                  | <b>D140204</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                                                                |                               | xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu. Tổng điểm thi được làm tròn đến 0,5 điểm.<br>- Số chỗ ở KTX: đáp ứng yêu cầu.<br>- Sinh viên các ngành ngoài sư phạm phải đóng học phí. |
|                           | Giáo dục Quốc phòng - An Ninh      | <b>D140208</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                                      |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | <b>B. Các ngành ngoài sư phạm:</b> |                |                                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | Toán học                           | <b>D460101</b> | <b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh               |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | Văn học                            | <b>D220330</b> | Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng<br>Trung Quốc;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | Việt Nam học                       | <b>D220113</b> | Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>NGŨ VĂN</b> , Tiếng<br>Trung Quốc;<br><b>NGŨ VĂN</b> , Lịch sử, Địa lí |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | Ngôn ngữ Anh                       | <b>D220201</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b>                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | Ngôn ngữ Trung Quốc                | <b>D220204</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG TRUNG<br/>QUỐC</b><br>Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b>                                        |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | Vật lí học                         | <b>D440102</b> | Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Hóa học;<br>Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Tiếng Anh;<br>Toán, <b>VẬT LÍ</b> , Ngữ văn                  |                               |                                                                                                                                                                         |
|                           | Hóa học                            | <b>D440112</b> | Toán, Vật lí, <b>HÓA HỌC</b> ;<br>Toán, <b>HÓA HỌC</b> , Tiếng Anh                                                   |                               |                                                                                                                                                                         |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                            | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Sinh học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>D420101</b> | Toán, Hóa học, <b>SINH HỌC</b> ;<br>Toán, Tiếng Anh, <b>SINH HỌC</b>                                                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>D480201</b> | <b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh;<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học;                                                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Khoa học thư viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>D320202</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Lịch sử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>D220310</b> | Ngữ văn, <b>LỊCH SỬ</b> , Địa lí;<br>Ngữ văn, <b>LỊCH SỬ</b> , Tiếng<br>Anh;<br>Ngữ văn, <b>LỊCH SỬ</b> , Tiếng<br>Trung Quốc |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>20</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ<br/>PHẠM KỸ THUẬT HÙNG<br/>YÊN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                                                                                               | <b>3200</b>                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước</li> <li>- Phương thức TS: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xét tuyển dựa trên kết quả kì thi THPT Quốc gia. Tổ hợp các môn xét tuyển tương ứng với từng ngành đào tạo.</li> <li>+ Xét tuyển dựa trên điểm trung bình kết quả học tập 5 môn lớp 12 THPT hoặc tương đương (Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ) <math>\geq 6.0</math> đối với trình độ đại học, <math>\geq 5.5</math> đối với hệ cao đẳng</li> </ul> </li> <li>- Các chương trình POHE: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công nghệ thông tin</li> <li>+ Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử</li> <li>+ Công nghệ cơ điện tử</li> </ul> </li> </ul> |
| <b>SKH</b>                | <b>Cơ sở I:</b> Km 26, Quốc lộ 39A, Đường Hà Nội - Hưng Yên. ĐT 03213713081 (Phòng ĐT ĐH&SĐH); 03213713423 (Bộ phận Tuyển sinh).<br><b>Cơ sở II:</b> Phố Nối, Quốc lộ 5 (Đường Hà Nội – Hải Dương). ĐT: 03213742076.<br><b>Cơ sở III:</b> 189 Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương. Điện thoại: 03203 894540.<br><a href="http://www.utehy.edu.vn">Website: www.utehy.edu.vn</a><br><a href="http://www.tuyensinh.utehy.edu.vn">www.tuyensinh.utehy.edu.vn</a> |                |                                                                                                                               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                                                                                                                               | <b>2500</b>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học              | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                            |
|---------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ thông tin                | <b>D480201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                                                                                   | <b>250</b>                    | + Công nghệ kỹ thuật cơ khí<br>+ Công nghệ kỹ thuật ô tô<br>+ Kế toán doanh nghiệp<br>+ Công nghệ kỹ thuật hóa học |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử   | <b>D510301</b> | Toán, Tiếng Anh, Vật lý;                                                                                                                                                 | <b>400</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ chế tạo máy              | <b>D510202</b> | Toán, Tiếng Anh, Hóa học;                                                                                                                                                | <b>150</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí          | <b>D510201</b> | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn                                                                                                                                                 | <b>200</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử      | <b>D510203</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                                                                                   | <b>250</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật ô tô            | <b>D510205</b> | Toán, Tiếng Anh, Vật lý;                                                                                                                                                 | <b>200</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Sư phạm kỹ thuật công nghiệp       | <b>D140214</b> | Toán, Tiếng Anh, Hóa học;                                                                                                                                                | <b>50</b>                     |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ may                      | <b>D540204</b> | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn                                                                                                                                                 | <b>350</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật hoá học         | <b>D510401</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                                                                                   | <b>100</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật môi trường      | <b>D510406</b> | Toán, Tiếng Anh, Hoá học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Toán, Vật lý, Sinh học                                                                                          | <b>150</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Quản trị kinh doanh                | <b>D340101</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                                                                                   | <b>100</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Kế toán                            | <b>D340301</b> | Toán, Tiếng Anh, Vật lý;<br>Toán, Tiếng Anh, Hoá học;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn                                                                                        | <b>200</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Ngôn ngữ Anh                       | <b>D220201</b> | <b>TIẾNG ANH</b> , Toán, Vật lý;<br><b>TIẾNG ANH</b> , Toán, Ngữ<br>văn; <b>TIẾNG ANH</b> , Toán,<br>Lịch sử;<br><b>TIẾNG ANH</b> , Toán, Địa lí<br>Tiếng Anh (hệ số 2), | <b>100</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b> |                |                                                                                                                                                                          | <b>700</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ thông tin                | <b>C480201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                                                                                   | <b>60</b>                     |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử   | <b>C510301</b> | Toán, Tiếng Anh, Vật lý;                                                                                                                                                 | <b>120</b>                    |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ chế tạo máy              | <b>C510202</b> | Toán, Tiếng Anh, Hoá học;                                                                                                                                                | <b>60</b>                     |                                                                                                                    |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí          | <b>C510201</b> | Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn                                                                                                                                                 | <b>60</b>                     |                                                                                                                    |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                             | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ kỹ thuật ô tô                                                                           | <b>C510205</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Tiếng Anh, Vật lý;<br>Toán, Tiếng Anh, Hoá học;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử                                                                     | <b>C510203</b> |                                                                                                             | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Công nghệ may                                                                                     | <b>C540204</b> |                                                                                                             | <b>130</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                               | <b>C340101</b> |                                                                                                             | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Kế toán                                                                                           | <b>C340301</b> |                                                                                                             | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>21</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ<br/>PHẠM KỸ THUẬT NAM<br/>ĐỊNH</b>                                           |                |                                                                                                             | <b>1500</b>                   | - <b>Vùng tuyển sinh:</b> Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>SKN</b>                | Đường Phù Nghĩa, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định. ĐT: (0350)3630858<br>Website: www.nute.edu.vn |                |                                                                                                             |                               | - <b>Phương thức tuyển sinh:</b> Dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia tại các cụm thi do trường đại học chủ trì.                                                                                                                                                                 |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                 |                |                                                                                                             | <b>1000</b>                   | - <b>Các thông tin khác:</b>                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                  | <b>D510301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Sinh học  |                               | + <b>Trình độ đại học:</b> Trong 1000 chỉ tiêu có 300 chỉ tiêu đại học sư phạm kỹ thuật, 700 chỉ tiêu kỹ sư công nghệ và cử nhân kinh tế.                                                                                                                                        |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                                                      | <b>D510303</b> |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Công nghệ chế tạo máy                                                                             | <b>D510202</b> |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                                         | <b>D510201</b> |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Công nghệ kỹ thuật ô tô                                                                           | <b>D510205</b> |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Khoa học máy tính                                                                                 | <b>D480101</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;                                                          |                               | + <b>Đại học liên thông</b> (cho người có bằng tốt nghiệp CDN, CD chưa đủ 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ đại học): Tuyển sinh theo phương thức dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia tại các cụm thi do trường đại học chủ trì. |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                               | <b>D480201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Kế toán                                                                                           | <b>D340301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                               | <b>D340101</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp                          |                               | + <b>Văn bằng 2, Đại học liên thông</b> (cho người có bằng tốt nghiệp CDN, CD sau thời hạn 36 tháng kể từ ngày được                                                                                                                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                       | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                          |                |                                                                                                             | <b>500</b>                    | <a href="#">cấp bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ thi lên trình độ đại học): Trường tổ chức thi tuyển sinh riêng. Thí sinh xem thông tin tại Website: <a href="http://www.nute.edu.vn">www.nute.edu.vn</a></a><br>+ <b>Học phí:</b> Theo quy định của Nhà nước.<br>+ <b>KTX:</b> 600 chỗ cho khóa tuyển sinh năm 2015. |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                                                            | <b>C510301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Công nghệ chế tạo máy                                                                                                                       | <b>C510202</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh;                                                                                    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Công nghệ hàn                                                                                                                               | <b>C510503</b> | Toán, Hóa học, Tiếng Anh;                                                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Công nghệ kỹ thuật ô tô                                                                                                                     | <b>C510205</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                                                                                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                         | <b>C480201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Kế toán                                                                                                                                     | <b>C340301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                         | <b>C340101</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>22</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH</b>                                                                                       |                |                                                                                                             | <b>2000</b>                   | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước<br>- Phương thức TS: Trường xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.                                                                                                                                                                                                 |
| <b>DFA</b>                | Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Điện thoại: (04)36590.459<br><a href="http://www.tcqtkd.edu.vn">Website: www.tcqtkd.edu.vn</a> |                |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                           |                |                                                                                                             | <b>2.000</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | + <i>Hệ chính quy</i>                                                                                                                       |                |                                                                                                             | <b>1.600</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                         | <b>D340101</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                | <b>240</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                    | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                                                    | <b>D340201</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                               |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                  | <b>D340301</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>800</b>                    |                                                                                                                                                                                               |
|                           | Kiểm toán                                                                                                                                                                                                | <b>D340302</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>80</b>                     |                                                                                                                                                                                               |
|                           | Hệ thống thông tin quản lý                                                                                                                                                                               | <b>D340405</b> | Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>80</b>                     |                                                                                                                                                                                               |
|                           | + Hệ liên thông chính quy các ngành đào tạo đại học nêu trên                                                                                                                                             |                | Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                               |
| <b>23</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH</b>                                                                                                                                                                          |                |                                                                                                          |                               | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                                                   |
| <b>DTB</b>                | Xã Tân Bình, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Điện thoại: 0363.633.134<br><a href="http://www.tbu.edu.vn">Website: www.tbu.edu.vn</a><br><a href="mailto:dtb@moet.edu.vn">Email: dtb@moet.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                               | - Phương thức tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh theo 2 phương thức:<br>+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia;<br>+ Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (lớp 12) các môn học theo tổ hợp. |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                                                        |                |                                                                                                          | <b>1550</b>                   | - Thời gian xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD & ĐT.                                                                                                                                          |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                      | <b>D340101</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn |                               | - Nhà trường có Kí túc xá cho người học. Người học được miễn tiền ở Kí túc xá trong năm học 2015 - 2016.                                                                                      |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                  | <b>D340301</b> |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                                         | <b>D510301</b> |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                                                                                                                                                | <b>D510201</b> |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                               |
|                           | Kinh tế                                                                                                                                                                                                  | <b>D310101</b> |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                               |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                           | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                               | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>                                                                                       |                |                                                                                                                  | <b>800</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                             | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kế toán                                                                                                                         | <b>C340301</b> |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                           | <b>C340201</b> |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                             | <b>C480201</b> |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                                                                                                       | <b>C510201</b> |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                | <b>C510301</b> |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ kĩ thuật ô tô                                                                                                         | <b>C510205</b> |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Thư kí văn phòng                                                                                                                | <b>C340407</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Dịch vụ pháp lí                                                                                                                 | <b>C380201</b> |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>24</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG<sup>(*)</sup></b>                                                                                  |                |                                                                                                                  |                               | - Phương thức TS:<br>+ Trường dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia tại các cụm thi do các Trường Đại học chủ trì.<br>+ Tổ chức xét tuyển dựa theo kết quả học tập và rèn luyện lớp 12.<br>- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước<br>Website: www.thanhdong.edu.vn<br>Học phí<br>Ngành kĩ thuật: 750.000đ/tháng<br>Ngành kinh tế: 580.000đ/tháng |
| <b>DDB</b>                | Số 3, Vũ Công Đán, Tứ Minh, Hải Dương<br>Số điện thoại: 03203 680 186<br>Số Fax: 03203 680 222<br>Website: www.thanhdong.edu.vn |                |                                                                                                                  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học</b>                                                                                                |                |                                                                                                                  | <b>680</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Kế toán                                                                                                                         | <b>D340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử              | <b>250</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ kĩ thuật xây dựng                                                                                                     | <b>D510103</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Lịch sử<br>Toán, Vật lí, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh              | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>      | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                               | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | Công nghệ thông tin               | <b>D480201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử<br>Toán, Tin học, Tiếng Anh | <b>80</b>                              |                |
|                                    | Tài chính – Ngân hàng             | <b>D340201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Địa lý<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử     | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Quản trị kinh doanh               | <b>D340101</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Địa lý<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử     | <b>100</b>                             |                |
|                                    | Quản lý đất đai                   | <b>D850103</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Sinh học, Địa lý<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử    | <b>100</b>                             |                |
|                                    | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng</b> |                     |                                                                                                         | <b>120</b>                             |                |
|                                    | Kế toán                           | <b>C340301</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Địa lý<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử     | <b>40</b>                              |                |
|                                    | Công nghệ thông tin               | <b>C480201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử<br>Toán, Tin học, Tiếng Anh | <b>50</b>                              |                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                   | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                   | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Quản lý đất đai                                                                                                                         | <b>C850103</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Sinh học, Địa lý<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>25</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ<br/>DỤC THỂ THAO BẮC NINH</b>                                                                                     |                |                                                                                                      |                               | <b>1.</b> Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.<br><b>2.</b> Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả học THPT kết hợp thi tuyển năng khiếu.<br>Xét tuyển (XT) theo kết quả học THPT kết hợp thi tuyển năng khiếu:<br>- <b>Điều kiện XT:</b><br>+ Hệ Đại học: Đã tốt nghiệp THPT năm 2015 (hoặc các năm trước); Có trung bình cộng điểm trung bình cộng môn Toán và Sinh học ở lớp 10,11 và học kì I lớp 12 $\geq 11.0$ (làm tròn đến một chữ số thập phân).<br>+ Hệ Cao đẳng: Đã tốt nghiệp THPT năm 2015 (hoặc các năm trước); Có trung bình cộng điểm trung bình cộng môn Toán và Sinh học ở lớp 10,11 và học kì I lớp 12 $\geq 10.0$ (làm tròn đến một chữ số thập phân).<br>* Hệ liên thông từ CD lên hệ ĐH: Thí sinh thi hệ Liên thông cao đẳng lên đại học dự thi tuyển theo quy định Thông |
| <b>TDB</b>                | Đường Nguyễn Văn Cừ, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh. ĐT: 02413.831.609<br><a href="http://www.upes1.edu.vn">Website: www.upes1.edu.vn</a> |                |                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                       |                |                                                                                                      | <b>900</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Giáo dục Thể chất                                                                                                                       | <b>D140206</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu (Bật xa tại chỗ, Chạy luân cộc, Chạy 100m)                                | <b>500</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Huấn luyện thể thao                                                                                                                     | <b>D140207</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu (Bật xa tại chỗ, Chạy luân cộc, Chạy 400m)                                | <b>250</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Quản lý thể dục thể thao                                                                                                                | <b>D220343</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu (Bật xa tại chỗ, Chạy 100m)                                               | <b>75</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Y sinh học Thể dục thể thao                                                                                                             | <b>D720305</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu (Bật xa tại chỗ, Chạy 100m)                                               | <b>75</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b>Ngành đào tạo Liên thông (Cao đẳng lên đại học):</b>                                                                                 |                |                                                                                                      | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Giáo dục thể chất                                                                                                                       | <b>D140206</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu (Bật xa tại chỗ, Chạy luân cộc, Chạy 100m)                                | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b>Ngành đào tạo Cao đẳng:</b>                                                                                                          |                |                                                                                                      | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Giáo dục thể chất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>C140206</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu<br>(Bật xa tại chỗ, Chạy luân cộc;<br>Chạy 100m) | <b>200</b>                    | tư 55/2012/TT-BGD ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT<br>- <b>Thi tuyển</b> môn năng khiếu theo quy chế tuyển sinh Đại học và Cao đẳng hiện hành.<br>- Cộng điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy chế TS hiện hành. |
|                           | - Ngoài những quy định chung Thí sinh dự thi phải đạt yêu cầu về thể hình: Nam cao từ 1,65m; nặng từ 45kg trở lên. Nữ cao từ 1,55; cân nặng từ 40kg trở lên. Thể hình cân đối, không bị dị tật, dị hình, không bị bệnh tim mạch.<br>- Thực hiện quy định ưu tiên xét tuyển và tuyển thẳng năm 2015 của Bộ GD&ĐT về chế độ ưu đãi đối với vận động viên.<br><i>Điểm trúng tuyển theo ngành, lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.</i><br><i>Thí sinh dự thi vào hệ đại học chính quy không trúng tuyển đại học được xét tuyển nguyện vọng 2 vào hệ cao đẳng.</i> |                |                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>26</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG<sup>(*)</sup></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |                                                                             | <b>500</b>                    | - Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>DVP</b>                | Kim Long – Tam Dương – Vĩnh Phúc. ĐT: (0211)3537.917<br><a href="http://www.dhtv.edu.vn">Website: www.dhtv.edu.vn</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                                             |                               | - Phương thức tuyển sinh:<br>+ Xét tuyển căn cứ vào kết quả kì thi THPT Quốc gia (Cụm các trường Đại học)                                                                                                                                                                                    |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học chính quy:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                |                                                                             | <b>300</b>                    | + Xét tuyển theo học bạ lớp 12(Theo Đề án tự chủ tuyển sinh): Tiêu chí xét tuyển: Điểm bình quân 2 học kì lớp 12 đạt 5,5 của 3 môn thuộc khối xét tuyển được xét tuyển vào hệ cao đẳng, đạt 6,0 điểm bình quân được xét tuyển vào hệ đại học                                                 |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>D340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học                                                       |                               | - Ngoài 500 chỉ tiêu chính quy trường còn 200 chỉ tiêu đào tạo liên thông                                                                                                                                                                                                                    |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>D340201</b> | Toán, Vật lí, Ngoại ngữ                                                     |                               | - Học phí: Đại học: 500.000đ/tháng; Cao đẳng: 450.000đ/ tháng (10 tháng /năm)                                                                                                                                                                                                                |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>D340101</b> | Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng chính quy:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                |                                                                             | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học                                                       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Tài chính – Ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>C340201</b> | Toán, Vật lí, Ngoại ngữ                                                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>C340101</b> | Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                               | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | - Ngoại ngữ gồm Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật, Tiếng Đức                                                                           |                |                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>27</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG</b>                                                                                                                                   |                |                          | <b>780</b>                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyển sinh cả nước</li> <li>- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>YPB</b>                | 72A Nguyễn Bình Khiêm – Ngô Quyền – Hải Phòng. ĐT: 0313733311<br>Website: <a href="http://www.hpmu.edu.vn">www.hpmu.edu.vn</a>                                      |                |                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                                   |                |                          | <b>780</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Y đa khoa                                                                                                                                                           | <b>D720101</b> | Toán, Hóa học, Sinh học. | <b>450</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Răng – Hàm – Mặt                                                                                                                                                    | <b>D720601</b> | Toán, Hóa học, Sinh học. | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Y học dự phòng                                                                                                                                                      | <b>D720103</b> | Toán, Hóa học, Sinh học. | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                                          | <b>D720501</b> | Toán, Hóa học, Sinh học. | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Xét nghiệm y học                                                                                                                                                    | <b>D720332</b> | Toán, Hóa học, Sinh học. | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Dược học                                                                                                                                                            | <b>D720401</b> | Toán, Hóa học, Sinh học. | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Y học cổ truyền                                                                                                                                                     | <b>D720201</b> | Toán, Hóa học, Sinh học. | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>28</b>                 | <b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH</b>                                                                                                                                   |                |                          | <b>1170</b>                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng tuyển sinh: Các tỉnh phía Bắc từ Quảng Bình trở ra.</li> <li>- Phương thức tuyển sinh: dựa vào sơ tuyển kết quả xếp loại hạnh kiểm và học tập các môn Toán, Hóa học và Sinh học trong 5 học kỳ THPT (với thí sinh tốt nghiệp năm 2015) hoặc 6 học kỳ (với thí sinh đã tốt nghiệp các năm trước) và kết quả 3 môn Toán, Hóa học và Sinh học của kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2015.</li> </ul> |
| <b>YTB</b>                | Số 373 Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình. ĐT: (0363)838.545<br>Số máy lẻ 106, 105, 112, 113.<br><a href="http://www.tbump.edu.vn">Website: www.tbump.edu.vn</a> |                |                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | <b>Hệ đại học chính quy:</b>                                                                                                                                        |                |                          | <b>930</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Y Đa khoa                                                                                                                                                           | <b>D720101</b> | Toán, Hóa học, Sinh học  | <b>580</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Y học cổ truyền                                                                                                                                                     | <b>D720201</b> | Toán, Hóa học, Sinh học  | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Y học dự phòng                                                                                                                                                      | <b>D720103</b> | Toán, Hóa học, Sinh học  | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT/<br>Ký hiệu trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                     | Mã ngành | Môn thi/ xét tuyển      | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Y tế công cộng                                                                                                                                            | D720301  | Toán, Hóa học, Sinh học | 60                      | - Điểm trúng tuyển xét theo ngành học.<br>- Trong 580 chỉ tiêu ngành YĐK (hệ đại học chính quy) Trường dành 55 chỉ tiêu cho học sinh cử tuyển vào diện 30a đang học dự bị tại trường và 20 chỉ tiêu cho dự bị đại học                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Điều dưỡng                                                                                                                                                | D720501  | Toán, Hóa học, Sinh học | 110                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Dược học                                                                                                                                                  | D720401  | Toán, Hóa học, Sinh học | 60                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| - Đối với các ngành YHCT, YHDP, YTCC, Điều dưỡng (hệ đại học chính quy) Trường dành 10 chỉ tiêu/mỗi ngành cho dự bị đại học.<br>- Trong 110 chỉ tiêu ngành Điều dưỡng có 60 chỉ tiêu dành cho học sinh có nguyện vọng học tiếng Nhật và làm việc tại Nhật Bản sau khi tốt nghiệp.<br>- KTX cho 300 sinh viên diện chính sách. |                                                                                                                                                           |          |                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 29                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TRƯỜNG SĨ QUAN TĂNG THIẾT GIÁP                                                                                                                            |          |                         | 40                      | - Thí sinh xét tuyển hệ đại học quân sự phải qua sơ tuyển, có đủ tiêu chuẩn quy định của Bộ Quốc phòng (thanh niên ngoài Quân đội sơ tuyển tại Ban TSQS cấp quận, huyện, thị; quân nhân tại ngũ sơ tuyển tại Ban TSQS cấp trung đoàn và tương đương).<br>- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển trên cơ sở kết quả của Kỳ thi THPT Quốc gia. Thí sinh đăng kí và dự Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2015 theo quy định của Bộ GD & ĐT. Vùng tuyển sinh: Tuyển thí sinh Nam trong cả nước. |
| TGH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | - Xã Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc<br>- ĐT: 0211 353 9021<br>- Email: anhducttg@gmail.com                                                                |          |                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Các ngành đào tạo đào tạo đại học quân sự                                                                                                                 |          |                         | 40                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Chỉ huy tham mưu Tăng Thiết giáp                                                                                                                          | D860205  | Toán, Vật lí, Hoá học   | 40                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| - Khi có nhiều thí sinh cùng bằng điểm thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ, như phần quy định xét tuyển tiêu chí phụ của Học viện Kỹ thuật quân sự.                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                           |          |                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 30                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TRƯỜNG CAO ĐẲNG ASEAN <sup>(*)</sup>                                                                                                                      |          |                         | 1820                    | - Vùng tuyển sinh:Tuyển sinh trong cả nước<br>- Phương thức TS:<br>* Xét tuyển 30% chỉ tiêu Cao đẳng dựa trên kết quả của kì thi THPT Quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| CSA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | *Km 15+150, QL 5, Hà Nội đi Hải Phòng. ĐT: (032) 16259555; 0989058956.<br>*Số 20, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội. ĐT: (04)3822.4567; 0948616188; 0986509768. |          |                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                            | Mã ngành       | Môn thi/ xét tuyển                                                                                           | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Website: www.aseanedu.vn                                                         |                |                                                                                                              |                         | <p>* Xét tuyển 70% chỉ tiêu Cao đẳng dựa vào kết quả học tập THPT của 3 môn chọn theo tổ hợp xét tuyển của lớp 10, lớp 11 và học kì I của lớp 12.<br/>+ Công thức tính điểm điều kiện xét tuyển:<br/><b><math>D_{XT} = D_1 + D_2 + D_3 \geq 16,5</math> điểm</b><br/>Trong đó:<br/><b><math>D_{XT}</math></b>: là điểm điều kiện xét tuyển; <b><math>D_1, D_2, D_3</math></b> là các điểm trung bình 3 môn học của 5 học kì thuộc tổ hợp môn xét tuyển.<br/>+ Điểm ưu tiên theo quy chế của Bộ GD&amp;ĐT.<br/>* Có Kí túc xá đủ tiện nghi tối thiểu cho 500 SV.<br/>* Học phí:<br/>Cao đẳng chính quy ngành Dược, Điều dưỡng: 600 000 đ/tháng; các ngành khác: 450000 đ/tháng.</p> |
|                        | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                               |                |                                                                                                              |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Dược                                                                             | <b>C900107</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Ngữ văn.   | <b>1400</b>             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Điều dưỡng                                                                       | <b>C720501</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học;<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh học, Ngữ văn. | <b>200</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Kế toán                                                                          | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;                              | <b>70</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Công nghệ thông tin                                                              | <b>C480201</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn.<br>Toán, Vật lí, Hóa học;                              | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Quản trị kinh doanh                                                              | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;                              | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Tài chính - Ngân hàng                                                            | <b>C340201</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;                              | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>31</b>              | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁCH KHOA HƯNG YÊN<sup>(*)</sup></b>                          |                |                                                                                                              | <b>500</b>              | - <b>Phương thức TS:</b> Có 02 phương thức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>CBK</b>             | Thị trấn Bần Yên Nhân - Huyện Mỹ Hào - Tỉnh Hưng Yên<br>Website: www.bkih.edu.vn |                |                                                                                                              |                         | + Phương thức 01: Trường dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                        | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                               |                |                                                                                                              | <b>500</b>              | + Phương thức 02: Xét theo đề án tuyển sinh riêng:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |



| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                   | Mã ngành       | Môn thi/ xét tuyển                                                           | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                        |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                                               | <b>C510201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>70</b>               | * Thí sinh tốt nghiệp THPT, hạnh kiểm đạt loại khá trở lên.                                                                                    |
|                        | Công nghệ kỹ thuật xây dựng                                                                             | <b>C510103</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>70</b>               | * Xét điểm từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu các môn sau:                                                                                |
|                        | Quản trị kinh doanh                                                                                     | <b>C340101</b> | Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>70</b>               | Nhóm 01 các ngành kỹ thuật gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. |
|                        | Kế toán                                                                                                 | <b>C340301</b> | Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>80</b>               | Xét điểm môn Toán, Vật lý.                                                                                                                     |
|                        | Công nghệ thông tin                                                                                     | <b>C480201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>70</b>               | Nhóm 02 các ngành còn lại. Xét điểm các môn Toán, Văn                                                                                          |
|                        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                        | <b>C510301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>70</b>               | - Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                     |
|                        | Tài chính - Ngân hàng                                                                                   | <b>C340201</b> | Toán, Vật lý, Ngữ văn<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>70</b>               | - Có chỗ ở trong kí túc xá.                                                                                                                    |
| <b>32</b>              | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẢI PHÒNG</b>                                                              |                |                                                                              | <b>1100</b>             | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                   |
| <b>D03</b>             | Số 264 Trần Nhân Tông, Kiến An, Hải Phòng.<br>ĐT: (031) 3677 734; 3735 651.<br>Website: www.hpcc.edu.vn |                |                                                                              |                         | - Phương thức tuyển sinh: Trường xét tuyển dựa trên kết quả học tập của 3 năm THPT.                                                            |
|                        | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                      |                |                                                                              | <b>1100</b>             | - Số chỗ ở trong kí túc xá: 300.                                                                                                               |
|                        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                                               | <b>C510201</b> | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh                             | <b>80</b>               | - Ngoại ngữ gồm: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung                                                                                 |
|                        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                        | <b>C510301</b> | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh                             | <b>100</b>              |                                                                                                                                                |
|                        | Công nghệ thông tin                                                                                     | <b>C480201</b> | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ | <b>100</b>              |                                                                                                                                                |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>                                                                                                       | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                    | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | Kế toán                                                                                                                            | <b>C340301</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ | <b>260</b>                             |                                                                                                                                                                                             |
|                                    | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                              | <b>C340201</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ | <b>80</b>                              |                                                                                                                                                                                             |
|                                    | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành                                                                                                | <b>C340103</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ | <b>80</b>                              |                                                                                                                                                                                             |
|                                    | Quản trị kinh doanh                                                                                                                | <b>C340101</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ | <b>80</b>                              |                                                                                                                                                                                             |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước                                                                                                 | <b>C510405</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh                             | <b>80</b>                              |                                                                                                                                                                                             |
|                                    | Khoa học cây trồng                                                                                                                 | <b>C620110</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Sinh học, Hoá học  | <b>80</b>                              |                                                                                                                                                                                             |
|                                    | Phát triển nông thôn                                                                                                               | <b>C620116</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Sinh học, Hoá học  | <b>80</b>                              |                                                                                                                                                                                             |
|                                    | Chăn nuôi                                                                                                                          | <b>C620105</b>      | Toán, Vật lý, Hoá học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Sinh học, Hoá học  | <b>80</b>                              |                                                                                                                                                                                             |
| <b>33</b>                          | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG<br/>NGHỆ BẮC HÀ<sup>(*)</sup></b>                                                                          |                     |                                                                              | <b>2000</b>                            | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước<br>- Phương thức tuyển sinh:<br>+ Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương dựa trên kết quả Kỳ thi Quốc gia (50% chỉ tiêu cho tất cả |
| <b>CBH</b>                         | Số 89 Ngô Gia Tự, Từ Sơn, Bắc Ninh<br>Tel: (0241) 3759.567<br>Website: <a href="http://www.bhu.edu.vn">http://www.bhu.edu.vn</a> . |                     |                                                                              |                                        |                                                                                                                                                                                             |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                     | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                   | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------|-------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b> |                |                                                                                                      | <b>2000</b>                   | các ngành);                                                                                                                                                                                              |
|                           | Tin học ứng dụng                          | <b>C480202</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh                                    | <b>100</b>                    | + Điểm trúng tuyển chung cho Các ngành và Các khối.                                                                                                                                                      |
|                           | Công nghệ kĩ thuật xây dựng               | <b>C510103</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>100</b>                    | + Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương dựa trên kết quả học bạ ở bậc THPT (50% chỉ tiêu cho tất cả các ngành).                                                                            |
|                           | Công nghệ kĩ thuật giao thông             | <b>C510104</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>100</b>                    | + Miễn phí KTX cho sinh viên. Số chỗ KTX có thể tiếp nhận tối đa khóa TS 2015: 1000.                                                                                                                     |
|                           | Công nghệ kĩ thuật môi trường             | <b>C510406</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br><b>TOÁN</b> , Hóa học, Sinh học  | <b>50</b>                     | + Ngoài 2000 chỉ tiêu đào tạo cao đẳng chính quy, Nhà trường còn dành 900 chỉ tiêu đào tạo liên thông từ TC lên CĐ. Thông tin chi tiết về ngành đào tạo liên thông xin tham khảo tại website của trường. |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử          | <b>C510301</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>600</b>                    | - Học phí: 600.000đ/tháng                                                                                                                                                                                |
|                           | Công nghệ kĩ thuật trắc địa               | <b>C515902</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br><b>TOÁN</b> Hóa học, Sinh học    | <b>50</b>                     | - Các thông tin khác: Nhà trường cam kết: Không tăng học phí trong toàn bộ khóa học. Hoàn lại 50% học phí nếu SV tốt nghiệp loại khá, giỏi không được giới thiệu việc làm sau khi ra trường.             |
|                           | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                 | <b>C510201</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>50</b>                     | Điện thoại: 0934 333 000.                                                                                                                                                                                |
|                           | Quản trị kinh doanh                       | <b>C340101</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>50</b>                     | Website: <a href="http://www.bhu.edu.vn">http://www.bhu.edu.vn</a> .                                                                                                                                     |
|                           | Kế toán                                   | <b>C340301</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                     | <b>C340201</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                          |

| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                | Mã ngành | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Quản lý xây dựng                                                                                                                     | C580302  | TOÁN, Vật lý, Hóa học<br>TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh<br>TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | 50                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Điều dưỡng                                                                                                                           | C720501  | TOÁN, Vật lý, Sinh học                                                                                   | 100                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Công nghệ kĩ thuật địa chất                                                                                                          | C515901  | TOÁN, Vật lý, Hóa học                                                                                    | 50                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Tiếng Anh                                                                                                                            | C220201  | TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                 | 250                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Tiếng Hàn Quốc                                                                                                                       | C220210  | TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                 | 300                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 34                     | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VIETTRONICS                                                                                                |          |                                                                                                          | 1020                    | - <b>Vùng tuyển sinh:</b> Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| CVT                    | 118 Cát Bi, Hải An, Hải Phòng<br>ĐT:0313.726.899; 0984.163.163<br>Email: tuyensinh@viettronics.edu.vn<br>Website: viettronics.edu.vn |          |                                                                                                          |                         | - <b>Phương thức tuyển sinh:</b> xét tuyển theo hai phương thức:<br>+ <b>Phương thức 1:</b> Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia 2015 ở cụm thi do các trường Đại học chủ trì<br>+ <b>Phương thức 2:</b> Xét theo tổng điểm cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc khối xét tuyển. Ngưỡng tối thiểu nộp hồ sơ xét tuyển áp dụng chung cho các thí sinh là 16,5 điểm. |
|                        | <b>Các ngành đào tạo Cao đẳng:</b>                                                                                                   |          |                                                                                                          | 1020                    | Thời gian xét tuyển: theo quy định của Bộ GD & ĐT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                        | Công nghệ thông tin                                                                                                                  | C480201  | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | 180                     | - <b>Thông tin về môn xét tuyển:</b> Các tổ hợp khối xét có môn Ngoại ngữ, thí sinh có thể đăng kí xét một trong các ngôn ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.                                                                                                                                                                                      |
|                        | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                     | C510301  |                                                                                                          | 120                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Công nghệ kĩ thuật điện tử, truyền thông                                                                                             | C510302  |                                                                                                          | 120                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hóa                                                                                         | C510303  |                                                                                                          | 120                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Quản trị kinh doanh                                                                                                                  | C340101  |                                                                                                          | 120                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Kế toán                                                                                                                              | C340301  |                                                                                                          | 180                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                | C340201  |                                                                                                          | 60                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường                                                                                                                                | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                   | Mã<br>ngành | Môn thi/ xét tuyển                                                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                          | Việt Nam học                                                                                                                                                                                            | C220113     | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | 60                            | Mọi thông tin chi tiết xem tại website:<br>viettronics.edu.vn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                                                                                                                                          | Tiếng Anh                                                                                                                                                                                               | C220201     | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ     | 60                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 35                                                                                                                                                       | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG<br>NGHIỆP CẨM PHẢ                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                              | 300                           | <ul style="list-style-type: none"><li>- Vùng tuyển sinh:Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.</li><li>- Phương thức tuyển sinh: Trường tổ chức tuyển sinh theo Đề án tự chủ tuyển sinh với 2 hình thức:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Hình thức 1: Xét tuyển theo kết quả kì thi THPT Quốc gia. Kết quả thi đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&amp;ĐT quy định.</li><li>+ Hình thức 2: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, điểm trung bình của 03 môn lớp 12 thuộc khối xét tuyển quy ước đạt từ 5,5 điểm trở lên.</li></ul></li></ul> |
| CCC                                                                                                                                                      | Số 78, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. ĐT: 0333 711329; 0333 969661. Fax: 0333 864 950<br><a href="http://www.cdncnp.edu.vn">Website: www.cdncnp.edu.vn</a> |             |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                                                                                          | Các ngành đào tạo cao đẳng:                                                                                                                                                                             |             |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                                                                                          | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                                                                                                                                                                               | C510201     | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hoá học, Sinh học<br>Toán; Ngữ văn, Tiếng Anh      | 70                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                                                                                          | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                                        | C510301     |                                                                                                              | 70                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                                                                                          | Công nghệ kĩ thuật ô tô                                                                                                                                                                                 | C510205     |                                                                                                              | 70                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                                                                                          | Kế toán                                                                                                                                                                                                 | C340301     |                                                                                                              | 90                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian và hồ sơ đăng kí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&amp;ĐT.</li><li>- Kí túc xá có 500 chỗ ở.</li></ul> |                                                                                                                                                                                                         |             |                                                                                                              |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                             | Mã<br>ngành | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                  | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 36                        | TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG<br>NGHIỆP HƯNG YÊN                                                                                                                                                                           |             |                                                                                                                     | 1500                          | * Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong<br>cả nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| CCY                       | <b>Cơ sở chính:</b> Giai Phạm, Yên<br>Mỹ, Hưng Yên. ĐT: 03213<br>587898, Fax: 03213 967065.<br>Website: www.hic.edu.vn<br><b>Cơ sở 2:</b> Đồng Kỵ, Từ Sơn, Bắc<br>Ninh - ĐT: 02413 743 708 -Fax:<br>02413 740 293 |             |                                                                                                                     |                               | * Phương thức tuyển sinh:<br><br><b>1) Hình thức 1:</b> Xét tuyển dựa vào kết<br>quả kì thi THPT Quốc gia do Bộ<br>GD&ĐT tổ chức (xét tuyển thí sinh<br>đăng kí dự thi ở cụm thi do trường đại<br>học chủ trì).<br><br>Điểm trung bình cộng các môn (kể<br>cả điểm ưu tiên theo đối tượng và khu<br>vực) đạt từ mức tối thiểu do Bộ<br>GD&ĐT quy định trở lên.                                                                                  |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                |             |                                                                                                                     |                               | <b>2) Hình thức 2:</b> Xét tuyển kết quả học<br>tập THPT, BTTHPT (học bạ) đối với<br>tất cả các thí sinh tham dự kì thi THPT<br>Quốc gia.<br><br>- <b>Tiêu chí 1:</b> Thí sinh đã tốt nghiệp<br>THPT, BT THPT hoặc tương đương.<br><br>- <b>Tiêu chí 2:</b> Điểm trung bình của 3<br>môn thuộc khối xét tuyển trong 6 học<br>kì lớp 10, 11, 12 đạt từ 5,5 trở lên.<br><br>- <b>Tiêu chí 3:</b> Hạnh kiểm năm học lớp<br>12 xếp loại khá trở lên |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                                                             | C340201     | Toán, Vật lí, Hoá học<br><br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br><br>Toán, Hoá học, Sinh học<br><br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | 200                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                           | C340301     |                                                                                                                     | 400                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                               | C340101     |                                                                                                                     | 200                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Hệ thống thông tin quản lí                                                                                                                                                                                        | C340405     |                                                                                                                     | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                               | C480201     |                                                                                                                     | 100                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                                                  | C510301     |                                                                                                                     | 300                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ may                                                                                                                                                                                                     | C540204     |                                                                                                                     | 200                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | * Chỗ ở Kí túc xá sinh viên:<br><br>- Cơ sở chính: 800<br><br>- Cơ sở 2: 500                                                                                                                                      |             |                                                                                                                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                         | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 37                        | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG<br/>NGHIỆP NAM ĐỊNH</b>                                                                                                                                                                                                                        |                |                                                                                                            | <b>2000</b>                   | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CND</b>                | Liên Bảo, Vụ Bản, Nam Định (Cầu Giành, Km6, Quốc lộ 10, Nam Định đi Ninh Bình)<br>ĐT: CQ: (0350)3986.919;<br>DD : 0916.021.528<br><a href="http://www.cnd.edu.vn">Website: www.cnd.edu.vn</a><br><a href="mailto:tuyensinh@cnd.edu.vn">Email: tuyensinh@cnd.edu.vn</a> |                |                                                                                                            |                               | - Phương thức tuyển sinh:<br><b><u>Phương thức 1:</u></b> Xét tuyển thí sinh tham gia kì thi THPT Quốc gia năm 2015. Tổng số <b>50%</b> chỉ tiêu tuyển sinh + <b>Tiêu chí xét tuyển:</b><br>Thí sinh tham dự kì thi THPT Quốc gia có mục đích xét tuyển sinh CĐ với các tổ hợp môn thi phù hợp với các ngành đăng kí xét tuyển; kết quả thi đáp ứng các tiêu chí đảm bảo chất lượng do Bộ GDĐT quy định |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo Cao đẳng:</i></b>                                                                                                                                                                                                                              |                |                                                                                                            | <b>2000</b>                   | <b><u>Phương thức 2:</u></b> Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa vào kết quả bậc học THPT hoặc tương đương của các môn theo từng tổ hợp môn thi. Tổng số <b>50%</b> chỉ tiêu tuyển sinh                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Công nghệ may                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>C540204</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh học, Hóa học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh |                               | + <b>Tiêu chí xét tuyển:</b><br><b><i>Tiêu chí 1:</i></b> Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.;                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Thiết kế thời trang                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>C210404</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                               | <b><i>Tiêu chí 2:</i></b> Hạnh kiểm năm học lớp 10,11 xếp loại trung bình trở lên, năm học lớp 12 đạt loại khá trở lên;                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                                                                                                       | <b>C510301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                               | <b><i>Tiêu chí 3:</i></b> Điểm trung bình của 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển của ngành đăng kí xét tuyển trong 5 học kì (gồm: HK I và HK II lớp 10; HK I và                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Công nghệ kĩ thuật nhiệt                                                                                                                                                                                                                                               | <b>C510206</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện tử, truyền thông                                                                                                                                                                                                                               | <b>C510302</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>                 | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                  | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b>                                                                                                       |
|------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hóa | <b>C510303</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                                        | HK II lớp 11; HK I lớp 12) đạt từ 5.5 điểm trở lên. Thí sinh đạt 3 tiêu chí trên sẽ đủ điều kiện tham gia xét tuyển. |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                    | <b>C510201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                                        |                                                                                                                      |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật ô tô                      | <b>C510205</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                                        |                                                                                                                      |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử                | <b>C510203</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                                        |                                                                                                                      |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật môi trường                | <b>C510406</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh học, Hóa học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh |                                        |                                                                                                                      |
|                                    | Truyền thông và mạng máy tính                | <b>C480102</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                                        |                                                                                                                      |
|                                    | Tin học ứng dụng                             | <b>C480202</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                                        |                                                                                                                      |
|                                    | Công nghệ thông tin                          | <b>C480201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             |                                        |                                                                                                                      |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                       | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Kế toán                                                                                                                     | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                       | <b>C340201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                         | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>38</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG<br/>NGHIỆP PHÚC YÊN</b>                                                                             |                |                                                                                                          | <b>1500</b>                   | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CPY</b>                | Phường Trung Nhị, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. ĐT: (0211)3511836<br><a href="http://pci.edu.vn">Website: pci.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                               | - Phương thức TS:<br>Phương thức 1: Dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia (50% chỉ tiêu).<br>Phương thức 2: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa vào kết quả bậc học THPT hoặc tương đương (50% chỉ tiêu), Thí sinh có thể đăng kí xét tuyển theo một trong hai hình thức sau: |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                          |                |                                                                                                          | <b>1500</b>                   | - Tiêu chí 1: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Đối với học sinh tốt nghiệp THPT, phải có kết quả xếp loại hạnh kiểm cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.                                                                                                                     |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                            | <b>C510301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               | - Tiêu chí 2: Điểm trung bình chung của 3 môn thuộc Tổ hợp môn dùng để lấy kết quả xét tuyển trong 6 học kì                                                                                                                                                                     |
|                           | Công nghệ kĩ thuật ô tô                                                                                                     | <b>C510205</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh  |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                                                                                                   | <b>C510201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>                 | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b>                                                                                                   |
|------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | <b>C510303</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn;<br>Toán, Hóa học, Ngữ văn   |                                        | THPT đạt 5,5 điểm trở lên.<br>Thông tin chi tiết về Đề án tuyển sinh riêng xin tham khảo tại Webiste của Trường. |
|                                    | Tin học ứng dụng                             | <b>C480202</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh |                                        |                                                                                                                  |
|                                    | Truyền thông và mạng máy tính                | <b>C480102</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh |                                        |                                                                                                                  |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông     | <b>C510302</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh |                                        |                                                                                                                  |
|                                    | Kế toán                                      | <b>C340301</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh |                                        |                                                                                                                  |
|                                    | Tài chính – Ngân hàng                        | <b>C340201</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh |                                        |                                                                                                                  |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật trắc địa                  | <b>C515902</b>      | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Ngữ văn |                                        |                                                                                                                  |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                             | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                         | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ kỹ thuật địa chất                                       | <b>C515901</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Sinh học, Tiếng Anh<br>Toán, Sinh học, Ngữ văn |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ kỹ thuật Xây dựng                                       | <b>C510103</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Sinh học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lý, Ngữ văn     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>39</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG<br/>NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG</b>                |                |                                                                                                            | <b>1200</b>                   | 1. Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước<br>2. Phương thức tuyển sinh: nhà trường tổ chức xét tuyển theo 2 phương thức:<br>- Phương thức 1: Sử dụng kết quả kì thi THPT Quốc gia để xét tuyển những thí sinh có kết quả đáp ứng các tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định.<br>- Phương thức 2: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT theo các yêu cầu xét tuyển quy định tại đề án tự chủ tuyển sinh của nhà trường.<br>3.Số chỗ KTX: 2000<br>- Chi tiết xem thêm tại Website: <a href="http://www.cic.edu.vn">http://www.cic.edu.vn</a> |
| <b>CCX</b>                | Phường Đông, Uông Bí, Quảng Ninh.<br>ĐT: 033.3851240, 033.6289225 |                |                                                                                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng</i></b>                          |                |                                                                                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Sư phạm kỹ thuật công nghiệp                                      | <b>C140214</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh.                                                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Việt Nam học                                                      | <b>C220113</b> | Địa lý, Lịch sử, Ngữ văn;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                     |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Quản trị kinh doanh                                               | <b>C340101</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn.                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Kế toán                                                           | <b>C340301</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn.                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Tin học ứng dụng                                                  | <b>C480202</b> | Toán, Vật lý, Hóa học;<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn.                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                     | Mã ngành       | Môn thi/ xét tuyển                                                                                      | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng                                                                                                                                                    | <b>C510102</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh.                                                      |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                                                                                                                                                 | <b>C510201</b> |                                                                                                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử                                                                                                                                                             | <b>C510203</b> |                                                                                                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | Công nghệ kỹ thuật ô tô                                                                                                                                                                   | <b>C510205</b> |                                                                                                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                          | <b>C510301</b> |                                                                                                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | Công nghệ hàn                                                                                                                                                                             | <b>C510503</b> |                                                                                                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | Công nghệ kỹ thuật mỏ                                                                                                                                                                     | <b>C511001</b> |                                                                                                         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | Quản lý xây dựng                                                                                                                                                                          | <b>C580302</b> | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn                          |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>40</b>              | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI</b>                                                                                                                                              |                |                                                                                                         | <b>550</b>              | -Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>CKS</b>             | TT Lai Cách - huyện Cẩm Giàng - tỉnh Hải Dương. ĐT: 03203.786.492 - 03203.786.749<br>Website:<br><a href="http://www.dltm.edu.vn">http://www.dltm.edu.vn</a> ;<br>Email:pdt.ctc@gmail.com |                |                                                                                                         |                         | - Phương thức tuyển sinh:<br>+ Tuyển 50% chỉ tiêu xét dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia. Điểm trúng tuyển dựa vào ngưỡng điểm của Bộ GD&ĐT quy định.<br>+ Tuyển 50% chỉ tiêu dựa vào kết quả học tập của lớp 10, 11 và 12. Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển: Các kì học phải đạt điểm trung bình từ 5.5 trở lên và có ít nhất 2 học kì đạt hạnh kiểm loại khá. |
|                        | Công nghệ thực phẩm                                                                                                                                                                       | <b>C540102</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hoá học, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>230</b>              | - Ngày xét và quy định xét : theo quy định của Bộ GD&ĐT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                        | Việt Nam học                                                                                                                                                                              | <b>C220113</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh                                                    | <b>80</b>               | - Chuyên ngành Hướng dẫn Du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                       | Mã ngành       | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Kế toán                                                                                                                                                                     | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>100</b>              | không tuyển những thí sinh nói lắp, dị tật.<br>- Số chỗ ở trong KTX: 300 chỗ<br>- Chi tiết xem trên Website:<br><a href="http://www.dltm.edu.vn">http://www.dltm.edu.vn</a><br>Điện thoại: 03203.786.492 - 03203.786.749<br>Email: pdt.ctc@gmail.com. |
|                        | Quản trị Kinh doanh                                                                                                                                                         | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>100</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                        | Tiếng Anh                                                                                                                                                                   | <b>C220201</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                      | <b>40</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>41</b>              | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG DƯỢC TRUNG ƯƠNG - HẢI DƯƠNG</b>                                                                                                                          |                |                                                                                                          | <b>650</b>              | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                                                                                                           |
| <b>CYS</b>             | Số 324 Nguyễn Lương Bằng – phường Thanh Bình – TP. Hải Dương. ĐT: (0320)3890486; (0320)3890944<br><a href="http://www.duoc-tu-hd.edu.vn">Website: www.duoc-tu-hd.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                         | - Phương thức TS: Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia năm 2015.<br>- Các thông tin khác:<br>+ Có chỗ ở KTX cho sinh viên.<br>+ Học phí thu theo nghị định, thông tư hướng dẫn của chính phủ.                                       |
|                        | <b>Ngành đào tạo:</b>                                                                                                                                                       |                |                                                                                                          | <b>650</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                        | Dược (Chuyên ngành: Quản lí và Cung ứng thuốc)                                                                                                                              | <b>C900107</b> | <b>TOÁN</b> , Hóa học, Vật lí<br><b>TOÁN</b> , Hoá học, Sinh học                                         | <b>650</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>42</b>              | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT<sup>(*)</sup></b>                                                                                                                               |                |                                                                                                          | <b>500</b>              | - Trường tuyển sinh theo 2 phương thức xét tuyển:                                                                                                                                                                                                     |
| <b>CEO</b>             | Lô 2B.X3- Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm - Hà Nội<br>ĐT: (04) 62872316 / 62872426<br>Website: <a href="http://www.dvc.edu.vn">www.dvc.edu.vn</a>   |                |                                                                                                          |                         | + Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.<br>+ Phương thức 2: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT/BTVH dựa vào kết quả học tập bậc THPT.                                                                                        |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                    | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                   | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                          |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                       |                |                                                      | <b>500</b>                    | - Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                      |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                      | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hoá học                                | <b>150</b>                    | - Điểm trúng tuyển chung toàn trường.                                                                                            |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                    | <b>C340201</b> | Toán, Vật lí, Ngoại ngữ                              | <b>100</b>                    | - Học phí: 550.000 đồng/tháng.                                                                                                   |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                  | <b>C340301</b> | Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ<br>Toán, Hóa học, Ngoại ngữ | <b>250</b>                    | - Ngoại ngữ gồm: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Đức, Tiếng Trung, Tiếng Nhật                                            |
| <b>43</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẢI DƯƠNG</b>                                                                                                                         |                |                                                      |                               | * Vùng tuyển sinh: <b>Tuyển sinh trong cả nước.</b>                                                                              |
| <b>C21</b>                | Phó Nguyễn Thị Duệ, Thanh Bình, TP. Hải Dương. ĐT: (0320).3890025<br><a href="http://www.caodanghaiduong.edu.vn">Website: www.caodanghaiduong.edu.vn</a> |                |                                                      |                               | * Phương thức tuyển sinh: Theo 2 phương thức sau:                                                                                |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng chính quy:</b>                                                                                                             |                |                                                      | <b>2150</b>                   | - <i>Phương thức 1:</i> Phương thức sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia (60% chỉ tiêu)                                             |
|                           | Sư phạm Vật lí                                                                                                                                           | <b>C140211</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ     | <b>40</b>                     | - <i>Phương thức 2:</i> Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả quá trình học tập THPT (40% chỉ tiêu): Xét tuyển học bạ 5 kì THPT. |
|                           | Sư phạm Toán                                                                                                                                             | <b>C140209</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ     | <b>80</b>                     | * Các môn thi năng khiếu theo từng ngành đào tạo:                                                                                |
|                           | Sư phạm Ngữ văn                                                                                                                                          | <b>C140217</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>50</b>                     | - <b>Thiết kế đồ họa:</b> Môn 1: Hình họa chì; Môn 2: Trang trí                                                                  |
|                           | Giáo dục Thể chất                                                                                                                                        | <b>C140206</b> | Toán, Sinh, Thể dục                                  | <b>40</b>                     | - <b>Mỹ thuật:</b> Môn 1: Hình họa chì; Môn 2: Trang trí                                                                         |
|                           | Sư phạm Sinh học                                                                                                                                         | <b>C140213</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Sinh học     | <b>40</b>                     | - <b>Mầm non:</b> Môn 1: Đọc kể diễn cảm, kể chuyện; Môn 2: Thanh nhạc                                                           |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                                                                         | <b>C140201</b> | Ngữ văn, Thẩm âm tiết tấu, Thanh nhạc                | <b>250</b>                    | - <b>Âm nhạc:</b> Môn 1: Thẩm âm, tiết tấu;                                                                                      |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học        | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                 |
|---------------------------|------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Giáo dục Tiểu học            | <b>C140202</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>200</b>                    | Môn 2: Thanh nhạc<br>- <b>Thể dục:</b> Môn 1: Thể dục<br>* <b><u>Ghi chú:</u></b> Ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản) |
|                           | Sư phạm Hóa học              | <b>C140212</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Sinh học                                                         | <b>50</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm Mỹ thuật             | <b>C140222</b> | Ngữ văn, Hình họa chì, Trang trí                                                                         | <b>30</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh            | <b>C140231</b> | Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                                                 | <b>30</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm kĩ thuật nông nghiệp | <b>C140215</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                                                                                  | <b>40</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm kĩ thuật công nghiệp | <b>C140214</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ                                                         | <b>40</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm Lịch sử              | <b>C140218</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                     | <b>40</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm Địa lí               | <b>C140219</b> | Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                          | <b>40</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Sư phạm Âm nhạc              | <b>C140221</b> | Ngữ văn, Thẩm âm tiết tấu, Thanh nhạc                                                                    | <b>40</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Giáo dục công dân            | <b>C140204</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                     | <b>40</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Khoa học Thư viện            | <b>C320202</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                     | <b>50</b>                     |                                                                                                                                         |
|                           | Tin học ứng dụng             | <b>C480202</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                             | <b>70</b>                     |                                                                                                                                         |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>        | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                               | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
|                                    | Quản lý văn hóa                     | <b>C220342</b>      | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Thẩm âm tiết tấu,<br>Thanh nhạc<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ        | <b>40</b>                              |                |
|                                    | Tài chính – Ngân hàng               | <b>C340201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                            | <b>70</b>                              |                |
|                                    | Tiếng Anh                           | <b>C220201</b>      | Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                                                | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử    | <b>C510301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ                                                        | <b>150</b>                             |                |
|                                    | Công nghệ kỹ thuật môi trường       | <b>C510406</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Sinh học                                                        | <b>150</b>                             |                |
|                                    | Kế toán                             | <b>C340301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                            | <b>200</b>                             |                |
|                                    | Quản trị kinh doanh                 | <b>C340101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                            | <b>50</b>                              |                |
|                                    | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | <b>C340103</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                               | <b>100</b>                             |                |
|                                    | Công nghệ thiết bị trường học       | <b>C510504</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ<br>Toán, Hóa học, Sinh học | <b>60</b>                              |                |
|                                    | Thiết kế đồ họa                     | <b>C210403</b>      | Ngữ văn, Hình họa chì, Trang trí                                                                        | <b>50</b>                              |                |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Thư kí văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>C340407</b> | Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                          | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | <b>II. Cao đẳng chính quy liên<br/>thông</b>                                                                                                                                                                                                                              |                |                                                                                                          | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>C140202</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>C140201</b> | Ngữ văn, Thẩm âm tiết tấu, Thanh<br>nhạc                                                                 | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Thể chất                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>C140206</b> | Toán, Sinh, Thể dục                                                                                      | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                             | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>44</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG<br/>HẢI I</b>                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                                                                          | <b>335</b>                    | <b>- Vùng tuyển sinh:</b> Tuyển sinh trong<br>cả nước<br><b>- Phương thức TS:</b> Chọn một trong<br>hai phương thức<br>+ Dựa vào kết quả kì thi tốt nghiệp<br>THPT Quốc gia (50% tổng chỉ tiêu).<br>+ Dựa vào kết quả học tập 03 năm<br>THPT hoặc tương đương đối với tất cả<br>thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc<br>tương đương (50% tổng chỉ tiêu).<br><b>- Thời gian nhận hồ sơ đăng kí xét<br/>tuyển:</b> |
| <b>CHH</b>                | Số 498 Đà Nẵng, Phường Đông<br>Hải 1, Quận Hải An, TP. Hải<br>Phòng.<br><a href="tel:0313766739">ĐT: 0313 766739</a> . <a href="mailto:pdt@cdhh.edu.vn">Email: pdt@cdhh.edu.vn</a><br>Fax: 84-31.3766425<br><a href="http://www.cdhh.edu.vn">Website: www.cdhh.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                                                                        |                |                                                                                                          | <b>335</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Điều khiển tàu biển                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>C840107</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                         | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                           | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                   | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Tin học ứng dụng                                                                                                                                                                                | <b>C480202</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>30</b>                     | <b>Đợt 1:</b> Từ ngày 25/7/2015 đến 15/8/2015;<br><b>Đợt 2:</b> Từ ngày 16/8/2015 đến 06/9/2015;<br><b>Đợt 3:</b> Từ ngày 07/9/2015 đến 27/9/2015;<br><b>Đợt 4:</b> Từ ngày 28/9/2015 đến 20/10/2015;<br>- Số chỗ ở KTX có thể tiếp nhận đối với<br>khoá tuyển sinh 2015: 1000 chỗ ở.<br><b>- Phương thức nộp hồ sơ đăng kí xét<br/>           tuyển:</b><br>- Nộp trực tiếp tại phòng Đào tạo;<br>- Gửi chuyển phát qua bưu điện về:<br>Phòng Đào tạo - Trường Cao đẳng<br>Hàng hải I, 498 Đà Nẵng, phường<br>Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải<br>Phòng. Số Điện thoại: 0313.766739. |
|                           | Vận hành khai thác máy tàu                                                                                                                                                                      | <b>C840108</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                                                                                                                                                                       | <b>C510201</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                                | <b>C510301</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                         | <b>C340301</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điều khiển và<br>tự động hóa                                                                                                                                                 | <b>C510303</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh                                     | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Khai thác vận tải                                                                                                                                                                               | <b>C840101</b> | <b>TOÁN</b> , Vật lí, Hoá học<br><b>TOÁN</b> , Vật lí, Tiếng Anh<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>45</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH<br/>TẾ - KỸ THUẬT VĨNH PHÚC</b>                                                                                                                                         |                |                                                                                                      | <b>800</b>                    | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong<br>cả nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>CKA</b>                | Phường Hội Hợp - TP. Vĩnh Yên -<br>tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại:<br>02113.861.938.<br>Số fax : 02113.848.231.<br><a href="mailto:caodang.cka@moet.edu.vn">Email<br/>: caodang.cka@moet.edu.vn</a> |                |                                                                                                      |                               | - Phương án tuyển sinh: theo 2<br>phương án<br>+ Phương án 1: 50% chỉ tiêu xét<br>tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp<br>THPT Quốc gia<br>+ Phương án 2: 50% chỉ tiêu xét<br>tuyển căn cứ vào kết quả học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                              |                |                                                                                                      | <b>800</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>                 | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                             | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | Quản trị kinh doanh                          | <b>C340101</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí | <b>100</b>                             | THPT hoặc tương đương.<br>- Điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo.<br>- Học phí: Đào tạo theo học chế tín chỉ: 100.000đồng/tín chỉ (Điều chỉnh mức học phí theo quy định của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đối với trường công lập).<br>- Kí túc xá: 750 HSSV<br>- Chi tiết xem tại Website: <a href="http://www.vtec.edu.vn">www.vtec.edu.vn</a> . |
|                                    | Kế toán                                      | <b>C340301</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí | <b>150</b>                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                                    | Truyền thông và mạng máy tính                | <b>C480102</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí | <b>50</b>                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật cơ khí                    | <b>C510201</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí | <b>100</b>                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật ô tô                      | <b>C510205</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí | <b>100</b>                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử             | <b>C510301</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí | <b>100</b>                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hóa | <b>C510303</b>      | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí | <b>50</b>                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                      | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                        |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>C620105</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hoá học, Sinh học | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                |
|                           | Dịch vụ thú y                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>C640201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hoá học, Sinh học | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                |
| <b>46</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH<br/>TẾ VÀ CÔNG NGHỆ THỰC<br/>PHẨM</b>                                                                                                                                                                                                              |                |                                                                                                         | <b>120</b>                    | - Phương thức tuyển sinh:<br>+ Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi<br>THPT Quốc gia.                                                                                              |
| <b>CCT</b>                | * Trụ sở chính: Phường Ngọc<br>Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố<br>Hải Phòng.ĐT: (031)3861193<br>Website: <a href="http://cdktcntp.edu.vn">http://cdktcntp.edu.vn</a><br>* Cơ sở 2: Số 36/84 Đường Dân<br>lập-phường Dư Hàng Kênh -<br>quận Lê Chân - thành phố Hải<br>Phòng. |                |                                                                                                         |                               | + Xét tuyển dựa vào kết quả học tập<br>ghi trong học bạ THPT.<br>- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả<br>nước.<br>- Nhà trường không thu tiền ở KTX<br>của sinh viên dự học. |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                                                                         |                |                                                                                                         | <b>120</b>                    |                                                                                                                                                                                |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>C480201</b> | <b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Vật lí,<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Hóa học<br><b>TOÁN</b> , Ngữ văn, Tiếng Anh    | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                |
|                           | Công nghệ thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>C540102</b> |                                                                                                         | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                |
|                           | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử                                                                                                                                                                                                                                           | <b>C510301</b> |                                                                                                         | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã<br>ngành | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 47                        | TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG<br>LÂM ĐÔNG BẮC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |                                                                                                             | 500                           | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                                                                      |
| CDP                       | Phường Minh Thành, thị xã<br>Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh<br>ĐT: 033.3873.393; Fax:<br>033.3873.223<br>Website: afcdongbac.edu.vn                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |                                                                                                             |                               | - Phương thức tuyển sinh: Trường kết hợp 2 phương thức xét tuyển:<br><b>1. Xét tuyển theo phương thức riêng</b> của Nhà trường (70% chỉ tiêu). Tiêu chí xét tuyển theo phương thức riêng như sau: |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | C340101     | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;                                                          | 45                            | + Thí sinh tốt nghiệp THPT                                                                                                                                                                        |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | C340301     | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                                                   | 45                            | + Xét điểm trung bình của tổ hợp các môn học lớp 12 theo ngành học mà thí sinh đăng kí đạt từ 5,5 trở lên.                                                                                        |
|                           | Quản lí tài nguyên rừng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | C620211     | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. | 65                            | + Nhà trường tổ chức xét tuyển 3 đợt / năm theo phương thức tuyển sinh riêng. Đợt 1 vào tháng 8/2015; Đợt 2 vào tháng 9/2015; Đợt 3 vào tháng 11/2015.                                            |
|                           | Quản lí đất đai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | C850103     |                                                                                                             | 60                            |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Dịch vụ thú y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | C640201     |                                                                                                             | 60                            |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Khuyến nông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | C620102     |                                                                                                             | 45                            |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | C620105     |                                                                                                             | 45                            |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Khoa học cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | C620110     |                                                                                                             | 45                            |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | C620201     |                                                                                                             | 45                            |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Phát triển nông thôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | C620116     |                                                                                                             | 45                            |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | <b>3. Hồ sơ xét tuyển:</b><br>- Đơn xin xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển tại trường (theo mẫu của Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).<br>- Học bạ THPT (phôtô công chứng).<br>- Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (phôtô công chứng).<br>- Các giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)<br>- 02 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, điện thoại của người nhận. |             |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                   |
|                           | <b>2. Xét tuyển theo kết quả kì thi THPT Quốc gia năm 2015</b> (30% chỉ tiêu). Các ngành đào tạo xét điểm thi theo tổ hợp các môn thi của thí sinh do các cụm thi đại học chủ trì. Điểm trúng tuyển của trường là tổng ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu của các môn do Bộ GD&ĐT công bố theo Quy chế tuyển sinh ĐH, Cao đẳng hệ chính quy.                                                        |             |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                   |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                   | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                         | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 48                        | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG<br/>NGOẠI NGỮ - CÔNG NGHỆ<br/>VIỆT NHẬT<sup>(*)</sup></b>                                                                                                                                            |                |                                                                                                            | <b>1.450</b>                  | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước<br>- Phương thức tuyển sinh:                                                                                                                                                                                                                   |
| CNC                       | E6 - Khu Công nghiệp Quế Võ - TP. Bắc Ninh. ĐT: (0241)634.027/634.267/634.279<br>Email: <a href="mailto:tuyensinh@cnc.edu.vn">tuyensinh@cnc.edu.vn</a> ;<br><a href="http://www.cnc.edu.vn">Website: www.cnc.edu.vn</a> |                |                                                                                                            |                               | + Trình độ cao đẳng: Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.<br>+ Thí sinh không trúng tuyển vào hệ cao đẳng có nguyện vọng được trường chuyển xuống học hệ Trung cấp chuyên nghiệp gồm các ngành: Kế toán, CNTT, Điện Công nghiệp và dân dụng, Du lịch, Cơ khí (Hàn điện) |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                      |                |                                                                                                            | <b>1.450</b>                  | + Số chỗ ở trong KTX: 600 sinh viên.                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                                                     | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh    | <b>100</b>                    | + Học phí: 165.000 đến 180.000/ 1 tín chỉ (tùy từng ngành đào tạo) Khoảng 600.000 /tháng (tùy từng ngành đào tạo).                                                                                                                                                                         |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                                                 | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh    | <b>100</b>                    | + Nhà trường có liên kết Du học chuyển tiếp với các trường Đại học nổi tiếng của Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore ...)                                                                                                                                                            |
|                           | Tiếng Anh                                                                                                                                                                                                               | <b>C220201</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                               | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Tiếng Nhật                                                                                                                                                                                                              | <b>C220209</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                               | <b>300</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                           | Việt Nam học (Hướng dẫn du lịch)                                                                                                                                                                                        | <b>C220113</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                      | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                              |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>C480201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                      |
|                           | Tiếng Trung quốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>C220204</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>300</b>                    |                                                                                                                                                                                      |
|                           | Tiếng Hàn quốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>C220210</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>300</b>                    |                                                                                                                                                                                      |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>C340201</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                      |
| <b>49</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHÁT<br/>THANH TRUYỀN HÌNH I</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |                                                                                                         | <b>550</b>                    | Vùng tuyển sinh: Cả nước<br><b>Phương thức 1: 50% chỉ tiêu.</b><br>Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở<br>bậc THPT hoặc tương đương.<br>Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày<br>01/04/2015.  |
| <b>CPT</b>                | Số 136, Đường Quy Lưu,<br>Phường Minh Khai, TP. Phủ Lý,<br>Tỉnh Hà Nam.<br>Điện thoại: (03513) 829 008; 850<br>019; 0917906898; 0982.865355<br>Fax: (03513) 854383<br>Website: <a href="http://cdptth1.vov.vn">cdptth1.vov.vn</a><br><u>Email:</u><br><a href="mailto:phongdaotao.cpt@gmail.com">phongdaotao.cpt@gmail.com</a> ;<br><a href="mailto:cuongnguyenvov@gmail.com">cuongnguyenvov@gmail.com</a> |                |                                                                                                         |                               | <b>Phương thức 2: 50% chỉ tiêu</b><br>Xét tuyển dựa vào kết quả thi của các<br>thí sinh dự thi theo kì thi THPT Quốc<br>gia năm 2015.<br>Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày<br>01/08/2015. |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                |                                                                                                         |                               | Chi tiết xem: Đề án tuyển sinh cao                                                                                                                                                   |

| <b>STT/<br/>Ký hiệu<br/>trường</b> | <b>Tên trường/ Ngành học</b>                | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Môn thi/ xét tuyển</b>                                                                                   | <b>Chỉ tiêu<br/>Trường<br/>đăng ký</b> | <b>Ghi chú</b>                                  |
|------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------|
|                                    | Báo chí                                     | <b>C320101</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>200</b>                             | đăng chính quy năm 2015 tại website của trường. |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử            | <b>C510301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>80</b>                              |                                                 |
|                                    | Công nghệ thông tin                         | <b>C480201</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>80</b>                              |                                                 |
|                                    | Công nghệ kĩ thuật điện tử,<br>truyền thông | <b>C510302</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>90</b>                              |                                                 |
|                                    | Kế toán                                     | <b>C340301</b>      | Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>70</b>                              |                                                 |
|                                    | Tiếng Anh                                   | <b>C220201</b>      | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                           | <b>30</b>                              |                                                 |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                 | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 50                        | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ<br/>PHẠM BẮC NINH</b>                                                                                                                                                                                           |                |                                                                                                             | <b>1100</b>                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Vùng tuyển</i>: như nội dung ghi ở mục 1, 2, 3, 4 cột (1).</li> <li>- <i>Phương thức xét tuyển</i>: Trường xét tuyển lấy kết quả kì thi THPT Quốc gia năm 2015 theo tổ hợp các môn như cột (4).</li> <li>- Điểm xét tuyển theo ngành học.</li> <li>- Số chỗ ở trong KTX: 900.</li> <li>- Các ngành tuyển sinh hộ khẩu ngoài tỉnh phải đóng kinh phí hỗ trợ đào tạo theo quy định.</li> <li>- Chi tiết xem tại website của trường: <a href="http://www.cdspbacninh.edu.vn">www.cdspbacninh.edu.vn</a></li> <li>Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Đức, Tiếng Nhật.</li> </ul> |
| <b>C19</b>                | Số 12A đường Bình Than, khu 10, phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. ĐT: 02413.856.413; 02413.855.329<br><b>Fax:</b> 02413. 827.270<br><b>Website:</b><br><a href="http://www.cdspbacninh.edu.vn">www.cdspbacninh.edu.vn</a> |                |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | <b>1. Các ngành đào tạo CĐSP hộ khẩu Bắc Ninh</b>                                                                                                                                                                                     |                |                                                                                                             | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                                                                                                                                                      | <b>C140201</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                       | <b>120</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                                                                                                                                                                                     | <b>C140202</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>120</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Sư phạm Toán học (Toán-Tin)                                                                                                                                                                                                           | <b>C140209</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ  | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Sư phạm Vật lí (Lí-KTCN)                                                                                                                                                                                                              | <b>C140211</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Toán, Vật lí                                 | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Sư phạm Ngữ văn (Văn-Sử)                                                                                                                                                                                                              | <b>C140217</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                       | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                    | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                                        | <b>C140231</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                    | <b>40</b>                     |         |
|                           | <b>2. Các ngành đào tạo CĐSP hệ<br/>khẩu ngoài tỉnh Bắc Ninh</b>         |                |                                                                                                             | <b>400</b>                    |         |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                         | <b>C140201</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                       | <b>120</b>                    |         |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                        | <b>C140202</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>120</b>                    |         |
|                           | Sư phạm Toán học (Toán-Lí,<br>Toán -Tin)                                 | <b>C140209</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ  | <b>40</b>                     |         |
|                           | Sư phạm Vật lí (Lí-KTCN)                                                 | <b>C140211</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Toán, Vật lí                                 | <b>40</b>                     |         |
|                           | Sư phạm Ngữ văn (Văn-Sử, Văn-<br>Địa)                                    | <b>C140217</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                       | <b>40</b>                     |         |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                                        | <b>C140231</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                    | <b>40</b>                     |         |
|                           | <b>3. Các ngành CĐ ngoài Sư<br/>phạm hệ khẩu trong và ngoài<br/>tỉnh</b> |                |                                                                                                             | <b>150</b>                    |         |
|                           | Thiết kế đồ họa                                                          | <b>C210403</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                              | <b>30</b>                     |         |
|                           | Tiếng Anh                                                                | <b>C220201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                    | <b>30</b>                     |         |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                   | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Khoa học thư viện                                                                                                       | <b>C320202</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Tin học ứng dụng                                                                                                        | <b>C480202</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ  | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Công tác xã hội                                                                                                         | <b>C760101</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                       | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b>4. Các ngành CĐSP liên thông,<br/>hệ khẩu trong và ngoài tỉnh</b>                                                    |                |                                                                                                             | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                                        | <b>C140201</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ                                                       | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                                                                       | <b>C140202</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>51</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ<br/>PHẠM<br/>HÀ NAM</b>                                                                           |                |                                                                                                             | <b>850</b>                    | - Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.<br>- Phương thức tuyển sinh:<br>+ Phương thức 1: Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia. Môn thi Năng khiếu, nhà trường tổ chức theo phương thức riêng: Ngành GD Mầm non, GD Tiểu học, Công tác xã hội, Việt Nam học gồm các nội |
| <b>C24</b>                | Đường Lí Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam<br>ĐT: (0351)3854533<br>Website: www.cdhanam.edu.vn |                |                                                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                      |                |                                                                                                             | <b>700</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                               | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------|-----------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Sư phạm Toán học      | <b>C140209</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                  |                               | <p>dung: Đọc, Kể diễn cảm và Hát;<br/>Ngành GD Thể chất gồm các nội<br/>dung: Bật xa tại chỗ và Chạy cự li<br/>ngắn.<br/>+ Phương thức 2: Xét tuyển theo kết<br/>quả học tập năm lớp 12 THPT. Điều<br/>kiện: thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc<br/>tương đương có tổng điểm trung bình<br/>cộng 2 học kì năm lớp 12 của một<br/>trong số các tổ hợp môn xét tuyển theo<br/>ngành học đạt kết quả từ 5,5 trở lên.</p> |
|                           | Sư phạm Vật lí        | <b>C140211</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh.                                                               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Hoá học       | <b>C140212</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học.                                                               |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Sinh học      | <b>C140213</b> | Toán, Hoá học, Sinh học.                                                                                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Ngữ văn       | <b>C140217</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                           |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Địa lí        | <b>C140219</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                 |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh     | <b>C140231</b> | Toán, Vật lí, <b>TIẾNG ANH</b> ;<br>Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b> .                                            |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Giáo dục Mầm non      | <b>C140201</b> | Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Năng khiếu. |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Giáo dục Tiểu học     | <b>C140202</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Năng khiếu.    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Giáo dục thể chất     | <b>C140206</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu.                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                           | Công tác xã hội       | <b>C760101</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Năng khiếu.                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                              | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                                                                   | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Việt Nam học                                                                                                                                                                                                                       | <b>C220113</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Năng khiếu.                                                                                                 |                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                | <b>C480201</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ kĩ thuật môi trường                                                                                                                                                                                                      | <b>C510406</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Công nghệ thiết bị trường học                                                                                                                                                                                                      | <b>C510504</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng hệ<br/>liên thông chính quy</b>                                                                                                                                                                      |                |                                                                                                                                                                                      | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                                                                                                                                                   | <b>C140201</b> | Xét kết quả 2 môn thi tốt nghiệp<br>TCCN (của ngành đào tạo phù hợp<br>với ngành dự tuyển): Lí thuyết tổng<br>hợp, thực hành nghề nghiệp và môn<br>thi Năng khiếu do trường tổ chức. |                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                                                                                                                                                                                  | <b>C140202</b> |                                                                                                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>52</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ<br/>PHẠM HƯNG YÊN</b>                                                                                                                                                                                        |                |                                                                                                                                                                                      | <b>605</b>                    | - Phương thức TS: Dựa vào kết quả kì<br>thi THPT Quốc gia ở các cụm thi do<br>trường đại học chủ trì.<br>- Vùng tuyển sinh:<br>+ Các ngành SP: Thí sinh có hộ<br>khẩu thường trú tại tỉnh Hưng Yên.<br>+ Các ngành ngoài SP: Thí sinh |
| <b>C22</b>                | Địa chỉ: Đường Chu Văn An-<br>Phường An Tảo-TP. Hưng Yên. Tel:<br>(0321) 3.862.297<br>Website: <a href="http://www.cdsphy.edu.vn">www.cdsphy.edu.vn</a><br><a href="mailto:bants.c22@moet.edu.vn">Email: bants.c22@moet.edu.vn</a> |                |                                                                                                                                                                                      |                               |                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                  | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                               | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                   |
|---------------------------|--------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng sư phạm:</i></b>      |                |                                                  | <b>450</b>                    | trong cả nước.<br>- Thi kiểm tra năng khiếu:                                              |
|                           | Sư phạm Toán học                                       | <b>C140209</b> | TOÁN (hệ số 2), Ngữ văn (hoặc Tiếng Anh), Vật lí | <b>60</b>                     | + Ngành <b>C140221</b> : Môn Thanh nhạc- Thảm âm tiết tấu (hệ số 2).                      |
|                           | Sư phạm Hóa học                                        | <b>C140212</b> | Toán, Ngữ văn, HÓA HỌC hoặc SINH HỌC (hệ số 2)   | <b>30</b>                     | + Ngành <b>C140201</b> : môn Hát- Đọc diễn cảm.                                           |
|                           | Sư phạm Sinh học                                       | <b>C140213</b> | Toán, Ngữ văn, HÓA HỌC hoặc SINH HỌC (hệ số 2)   | <b>60</b>                     | + Ngành <b>C140206</b> : môn Chạy cự ly ngắn, bật xa tại chỗ (hệ số 2).                   |
|                           | Sư phạm Ngữ văn                                        | <b>C140217</b> | Toán, NGỮ VĂN (hệ số 2), Lịch sử (hoặc Địa lí)   | <b>60</b>                     | + Ngành <b>C140222</b> : môn Họa chì - Họa màu (hệ số 2)                                  |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                      | <b>C140202</b> | Ngữ văn, Toán, TIẾNG ANH (hoặc VẬT LÍ)           | <b>60</b>                     | - Mọi thông tin chi tiết liên hệ với phòng Đào tạo & QLKH (ĐT:03213.862762, 03213.556674) |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                      | <b>C140231</b> | Ngữ văn, Toán, TIẾNG ANH (hệ số 2)               | <b>30</b>                     |                                                                                           |
|                           | Giáo dục Mầm non                                       | <b>C140201</b> | Ngữ văn, Toán, NĂNG KHIẾU                        | <b>60</b>                     |                                                                                           |
|                           | Sư phạm Âm nhạc                                        | <b>C140221</b> | Ngữ văn, Toán, NĂNG KHIẾU                        | <b>30</b>                     |                                                                                           |
|                           | Sư phạm Mỹ thuật                                       | <b>C140222</b> | Ngữ văn, Toán, NĂNG KHIẾU                        | <b>30</b>                     |                                                                                           |
|                           | Giáo dục Thể chất                                      | <b>C140206</b> | Toán, Sinh học, NĂNG KHIẾU                       | <b>30</b>                     |                                                                                           |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng ngoài sư phạm</i></b> |                |                                                  | <b>155</b>                    |                                                                                           |
|                           | Công nghệ thông tin                                    | <b>C480201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>25</b>                     |                                                                                           |
|                           | Tiếng Anh                                              | <b>C220201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>30</b>                     |                                                                                           |
|                           | Việt Nam học                                           | <b>C220113</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>25</b>                     |                                                                                           |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                        | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                               | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Quản lý văn hóa                                                                                                                                              | <b>C220342</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Quản trị văn phòng                                                                                                                                           | <b>C340406</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Công tác xã hội                                                                                                                                              | <b>C760101</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>53</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ<br/>PHẠM NAM ĐỊNH</b>                                                                                                                  |                |                                                  | <b>400</b>                    | - Thí sinh có hộ khẩu tỉnh Nam Định<br>- Phương thức tuyển sinh:                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>C25</b>                | Số 813 Trường Chinh, TP. Nam Định,<br>ĐT: (0350)3648.351<br><a href="http://www.cdspnd.edu.vn">Website: www.cdspnd.edu.vn</a>                                |                |                                                  |                               | + Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia 2015 của các cụm thi do trường đại học tổ chức đối với các ngành không có môn thi năng khiếu.                                                                                                                                               |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                           |                |                                                  | <b>400</b>                    | + Xét tuyển kết hợp với thi tuyển với các ngành năng khiếu. Trong đó, xét tuyển môn văn hóa dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia 2015 của các cụm thi do trường đại học tổ chức và thi tuyển môn năng khiếu. Trường tổ chức thi các môn năng khiếu vào các ngày 07, 08, 09 tháng 8 năm 2015. |
|                           | Sư phạm Toán học (Toán – Tin)                                                                                                                                | <b>C140209</b> | Toán, Vật lý, Hóa học<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh | <b>40</b>                     | - Điểm xét tuyển theo ngành. Ngành Sư phạm Tiếng Anh, môn Tiếng Anh hệ số 2; Sư phạm Ngữ văn, môn Ngữ văn hệ số 2.                                                                                                                                                                           |
|                           | Sư phạm Hóa học (Hóa – Sinh)                                                                                                                                 | <b>C140212</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                          | <b>30</b>                     | - Chỉ tiêu ngành SP Toán chia đều theo nhóm môn thi (khối thi).                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Ngữ văn (Văn – Địa)                                                                                                                                  | <b>C140217</b> | <b>NGỮ VĂN</b> , Toán, Địa lí                    | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                                                                                                                            | <b>C140231</b> | Toán, Ngữ văn, <b>TIẾNG ANH</b>                  | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Âm nhạc                                                                                                                                              | <b>C140221</b> | Ngữ văn, 02 môn Năng khiếu                       | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Mỹ thuật                                                                                                                                             | <b>C140222</b> | Ngữ văn, 02 môn Năng khiếu                       | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                                                                                                            | <b>C140202</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                         | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Thể chất                                                                                                                                            | <b>C140206</b> | Toán, Sinh học, Năng khiếu                       | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                                                                                                             | <b>C140201</b> | Ngữ văn, Toán, Năng khiếu                        | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>54</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ<br/>PHẠM THÁI BÌNH</b>                                                                                                                 |                |                                                  | <b>1000</b>                   | * Phương thức tuyển sinh: Sử dụng kết quả kì thi THPT Quốc gia và sử dụng kết quả kì thi THPT Quốc gia kết hợp thi tuyển môn năng khiếu.                                                                                                                                                     |
| <b>C26</b>                | Phố Chu Văn An, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình.<br>0363.831.144 - 0363.642.990<br>Website: <a href="http://www.cdsptb.edu.vn">www.cdsptb.edu.vn</a> |                |                                                  |                               | * Vùng tuyển: tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                             | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------|---------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng sư phạm:</i></b> |                |                                                                                                             | <b>600</b>                    | <p><b>* Các ngành xét tuyển kết hợp với thi tuyển:</b></p> <p><b>1. Ngành Sư phạm Âm nhạc</b><br/> - Tốt nghiệp THPT<br/> - Điểm thi môn Ngữ văn kì thi THPT Quốc gia<br/> - Thi năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&amp;ĐT (Môn thi 1: Thảm âm, tiết tấu; Môn thi 2: Thanh nhạc) hoặc thí sinh nộp kết quả thi tuyển sinh ĐH, CĐ các môn này ở trường khác để xét tuyển.<br/> Môn năng khiếu nhân hệ số 2.</p> <p><b>2. Ngành Sư phạm Mỹ thuật và Thiết kế đồ họa</b><br/> - Tốt nghiệp THPT<br/> - Điểm thi môn Ngữ văn kì thi THPT Quốc gia<br/> - Thi năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&amp;ĐT (Môn thi 1: Hình họa chì, môn thi 2: Vẽ trang trí màu) hoặc thí sinh nộp kết quả thi tuyển sinh ĐH, CĐ các môn này ở trường khác để xét tuyển.<br/> Môn năng khiếu nhân hệ số 2.</p> <p><b>3. Ngành Sư phạm Giáo dục thể chất</b><br/> - Tốt nghiệp THPT</p> |
|                           | Sư phạm Toán học                                  | <b>C140209</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                              | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Sư phạm Vật lí                                    | <b>C140211</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                              | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Sư phạm Hóa học                                   | <b>C140212</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học                              | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Sư phạm Ngữ văn                                   | <b>C140217</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                                                       | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Sư phạm Lịch sử                                   | <b>C140218</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                                                       | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Sư phạm kĩ thuật công nghiệp                      | <b>C140214</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Hóa học, Sinh học                              | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Giáo dục công dân                                 | <b>C140204</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;                                                      | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Sư phạm Âm nhạc                                   | <b>C140221</b> | Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc                                                                                 | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Sư phạm Mỹ thuật                                  | <b>C140222</b> | Ngữ văn, Năng khiếu Mỹ thuật                                                                                | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                 | <b>C140202</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |



| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                             | Mã ngành       | Môn thi/ xét tuyển                                                                                          | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------|---------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Giáo dục Mầm non                                  | <b>C140201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Địa lí;<br>Toán, Ngữ văn, Lịch sử                               | <b>40</b>               | <p>- Điểm thi môn Toán, Sinh học kì thi THPT Quốc gia</p> <p>- Thi năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&amp;ĐT (Môn thi: Năng khiếu TDTT) hoặc thí sinh nộp kết quả thi tuyển sinh ĐH, CĐ các môn này ở trường khác để xét tuyển.</p> <p>Môn năng khiếu nhân hệ số 2.</p> <p>* Điểm trúng tuyển theo ngành học.</p> <p>* <b>Lịch tuyển sinh:</b> sẽ thông báo đến thí sinh theo lịch chung của Bộ GD&amp;ĐT</p> <p>* <b>Hồ sơ đăng kí xét tuyển:</b> theo quy định về tuyển sinh năm 2015</p> <p>* <b>Lệ phí tuyển sinh:</b> thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.</p> <p>Lưu ý: <i>Thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục thể chất phải đạt yêu cầu về thể hình: Nam cao 1.65m, nặng từ 45 kg trở lên; Nữ cao từ 1.55m, nặng từ 40 kg trở lên; thể hình cân đối không dị tật, dị hình.</i></p> <p><a href="http://www.cdsptb.edu.vn">Chi tiết xem tại website: www.cdsptb.edu.vn</a></p> |
|                        | Sư phạm Địa lí                                    | <b>C140219</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Hóa học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>40</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Giáo dục Thể chất                                 | <b>C140206</b> | Toán, Ngữ văn, Năng khiếu TDTT<br>Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT                                           | <b>40</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Sư phạm Sinh học                                  | <b>C140213</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Hóa học, Sinh học                                                        | <b>40</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Sư phạm Tiếng Anh                                 | <b>C140231</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                    | <b>40</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | <b><i>Các ngành đào tạo CĐ ngoài sư phạm:</i></b> |                |                                                                                                             | <b>400</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Khoa học thư viện                                 | <b>C320202</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                           | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Công nghệ thông tin                               | <b>C480201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh                                | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Tiếng Anh                                         | <b>C220201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                                                    | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                        | Công tác xã hội                                   | <b>C760101</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                             | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                            | Mã ngành       | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                            |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Quản trị văn phòng                                                                                                               | <b>C340406</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                          | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Thư kí văn phòng                                                                                                                 | <b>C340407</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                          | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Thiết kế đồ họa                                                                                                                  | <b>C210403</b> | Ngữ văn, Năng khiếu mỹ thuật                                                                             | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Việt Nam học                                                                                                                     | <b>C220113</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí                          | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                    |
| <b>55</b>              | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ</b>                                                                                                  |                |                                                                                                          | <b>700</b>              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.</li> <li>- Phương thức TS: Dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.</li> <li>- Số chỗ trong KTX: 1500.</li> </ul> |
| <b>CTE</b>             | Số 568, đường Thành Cổ, phường Vệ An, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh<br>Website: <a href="http://www.cos.edu.vn">www.cos.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                         |                                                                                                                                                                                                    |
|                        | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng</b>                                                                                                |                |                                                                                                          | <b>700</b>              |                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Thống kê                                                                                                                         | <b>C460201</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>120</b>              |                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Kế toán                                                                                                                          | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>230</b>              |                                                                                                                                                                                                    |
|                        | Hệ thống thông tin quản lí                                                                                                       | <b>C340405</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                    |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                         | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                       | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                         | <b>C340201</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                           | <b>C340101</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Kinh tế đầu tư                                                                                                                                                                | <b>C100101</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>56</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG THUY<br/>LỢI BẮC BỘ</b>                                                                                                                                    |                |                                                                                                          | <b>650</b>                    | <p>* Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.<br/>Xét tuyển theo đề án tuyển sinh đã được phê duyệt như sau:<br/>- Phương án 1: Xét tuyển 25% chỉ tiêu đối với thí sinh thi theo kì thi Quốc gia;<br/>- Phương án 2: Xét tuyển 75% chỉ tiêu theo phương thức tuyển sinh tự chủ, thí sinh đạt 1 trong 2 tiêu chí:<br/>+ <b>Tiêu chí 01:</b> Kết quả điểm trung bình chung các môn học của 3 năm học THPT đạt từ 5,5 trở lên. (Tổng</p> |
| <b>CTL</b>                | Địa chỉ: Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.<br>ĐT: 03513.840.246 ; Fax:<br>03513.840.246<br><a href="http://www.caodangthuyloi.edu.vn">Website:<br/>www.caodangthuyloi.edu.vn</a> |                |                                                                                                          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                                            |                |                                                                                                          | <b>650</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                           | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng                                                                                                                                        | <b>C510102</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                             | <b>250</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                              | Mã ngành       | Môn thi/ xét tuyển                                                                                      | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Công nghệ kĩ thuật xây dựng                                                                                                                        | <b>C510103</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>100</b>              | điểm trung bình chung $\geq 16,5$ )<br>+ <b>Tiêu chí 02:</b> Điểm trung bình chung 3 môn xét tuyển của lớp 12 đạt từ 5,5 trở lên. (Tổng 3 môn xét tuyển $\geq 16,5$ )<br>* Thí sinh không trúng tuyển cao đẳng được xét tuyển vào hệ Cao đẳng nghề, Trung cấp chuyên nghiệp và Trung cấp nghề nếu có nguyện vọng.<br>* Số chỗ trong kí túc xá: 800 chỗ<br>* Sau khi tốt nghiệp sinh viên, học sinh được liên thông lên bậc học cao hơn theo quy định |
|                        | Công nghệ kĩ thuật tài nguyên nước                                                                                                                 | <b>C510405</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>150</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                        | Kế toán                                                                                                                                            | <b>C340301</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                            | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                        | Công nghệ kĩ thuật trắc địa                                                                                                                        | <b>C515902</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hoá học, Sinh học | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                        | Quản lí đất đai                                                                                                                                    | <b>C850103</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán, Hoá học, Sinh học | <b>50</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>57</b>              | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỦY SẢN</b>                                                                                                                    |                |                                                                                                         | <b>300</b>              | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>CSB</b>             | Phố Lí Nhân Tông, Phường Đình Bảng, TX. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh<br>ĐT: 02413.840240<br>Website: <a href="http://www.cdts.edu.vn">www.cdts.edu.vn</a> |                |                                                                                                         |                         | - Phương thức tuyển sinh: Trường xét tuyển theo 2 phương thức:<br>- Xét tuyển theo kết quả kì thi THPT Quốc gia và tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2015 (30% chỉ tiêu). Các ngành đào tạo xét tuyển theo từng tổ hợp môn xét                                                                                                                                                                                                                                   |
|                        | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                 |                |                                                                                                         | <b>300</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                   | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                                                             | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                                                     | <b>C620301</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh                                     | <b>50</b>                     | tuyển.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                           | Kế toán                                                                                                                                                                                 | <b>C340301</b> |                                                                                                                                                | <b>50</b>                     | - Xét tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng (70% chỉ tiêu). Tiêu chí xét tuyển theo phương thức riêng như sau:<br>+ Thí sinh tốt nghiệp THPT<br>+ Xét điểm tổng cộng 3 môn lớp 12 theo từng khối thi mà thí sinh đăng kí ngành học đạt từ 16,5 trở lên.<br>+ Đạo đức xét loại khá trở lên                                                                                                                                                                                                                     |
|                           | Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                     | <b>C340101</b> |                                                                                                                                                | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                     | <b>C480201</b> |                                                                                                                                                | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Tài chính - Ngân hàng                                                                                                                                                                   | <b>C340201</b> |                                                                                                                                                | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Công nghệ sinh học                                                                                                                                                                      | <b>C420201</b> |                                                                                                                                                | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | + Nhà trường tổ chức xét tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng được xét 2 đợt/ năm: Đợt 1 từ 30/6 đến 31/8; Đợt 2 từ 01/9 đến 30/11/2015                                              |                |                                                                                                                                                |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>58</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT THÁI BÌNH</b>                                                                                                                                     |                |                                                                                                                                                | <b>170</b>                    | 1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước<br>2. Phương thức TS: Trường tuyển sinh theo đề án tuyển sinh riêng:<br>- Xét tuyển ngành C220342 và C320202<br>+ Xét kết quả kì thi THPT Quốc gia = 50% chỉ tiêu;<br>+ Xét kết quả học ở THPT = 50% chỉ tiêu.<br>- Thi kết hợp với xét tuyển các ngành năng khiếu,<br>+ Thi 02 môn năng khiếu (hệ số 2).<br>+ Xét tuyển môn Ngữ văn: Điểm môn Ngữ văn dựa vào điểm môn Ngữ văn kì thi THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2015) hoặc dựa vào điểm tổng kết |
| <b>CNB</b>                | Số 117 phố Hoàng Công Chất, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. ĐT 0363842.405<br><a href="http://www.cdvhntthaibinh.edu.vn">Website:www.cdvhntthaibinh.edu.vn</a> |                |                                                                                                                                                |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | <i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i>                                                                                                                                                      |                |                                                                                                                                                |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Quản lí văn hóa.                                                                                                                                                                        | <b>C220342</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Sinh học, Toán, Hoá học;<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí,<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh,<br>Hát, Thẩm âm Tiết tấu, Ngữ văn | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Khoa học thư viện                                                                                                                                                                       | <b>C320202</b> |                                                                                                                                                | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                           | Thanh nhạc                                                                                                                                                                              | <b>C210205</b> |                                                                                                                                                | <b>20</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT/<br>Ký hiệu trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành | Môn thi/ xét tuyển                            | Chỉ tiêu Trường đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | Hội họa                                                                                                                                                                                                                                                       | C210103  | Hình hoạ, Bố cục, Ngữ văn                     | 20                      | môn Ngữ văn 3 năm THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2015) và được tính như sau: <u>(Điểm tổng kết môn Ngữ văn lớp 10 + 11 + 12)/ 3</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                        | Sư phạm Âm nhạc                                                                                                                                                                                                                                               | C140221  | Hát, Thẩm âm Tiết tấu, Ngữ văn,               | 25                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                        | Sư phạm Mỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                              | C140222  | Hình hoạ, Bố cục, Ngữ văn                     | 25                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                        | Diễn viên sân khấu kịch hát (Diễn viên chèo)                                                                                                                                                                                                                  | C210226  | Hát, Thẩm âm Tiết tấu, Ngữ văn,               | 20                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                        | - Nhà trường nhận hồ sơ ĐKDT đợt 1 từ ngày 25/5/2015; đợt 2 từ ngày 10/8/2015<br>- Thi kết hợp xét tuyển 02 đợt các ngành năng khiếu. Đợt 1 từ ngày 20 đến ngày 23/7 và đợt 2 từ ngày 24 đến ngày 27/9,<br>3. Có kí túc xá cho sinh viên tuyển sinh năm 2015. |          |                                               |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 59                     | TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC                                                                                                                                                                                                                                     |          |                                               | 900                     | 1. Tuyển sinh dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia 2015 (60% chỉ tiêu tuyển sinh )<br>1.1. Phương thức<br>Xét tuyển; xét tuyển và thi tuyển (đối với các môn năng khiếu) thí sinh tốt nghiệp THPT (THPT) dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia tại các cụm thi do các trường đại học, cao đẳng chủ trì theo quy định của Bộ GD&ĐT.<br>1.2. Tiêu chí xét tuyển<br>- Tiêu chí 1: Đã tốt nghiệp THPT. Đối với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ 2014 trở về trước, điểm xét tuyển là điểm thi 3 môn của kì thi THPT Quốc gia năm 2015 tại các cụm thi do các trường đại học, cao đẳng chủ trì. |
| C16                    | Phường Trung Nhị- TX. Phúc Yên- Vĩnh Phúc<br>Tel: (0211)3881041, (0211) 3868188<br>Website:<br>caodangvinhphuc.edu.vn                                                                                                                                         |          |                                               |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                        | Các ngành cao đẳng sư phạm (thí sinh có hộ khẩu Vĩnh Phúc)                                                                                                                                                                                                    |          |                                               | 460                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                        | Sư phạm Toán học (Chương trình Toán-Lí)                                                                                                                                                                                                                       | C140209  | Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh | 30                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                        | Sư phạm Lí (Chương trình Lí-KTCN)                                                                                                                                                                                                                             | C140211  | Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh | 30                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                        | Sư phạm Sinh học (Chương trình Sinh-KTNN)                                                                                                                                                                                                                     | C140213  | Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Vật lí, Hóa học | 30                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                      | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                            | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Sư phạm Tin học (Chương trình Tin-KTCN)                                    | <b>C140210</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.            | <b>30</b>                     | <p>- <i>Tiêu chí 2:</i> Tổng điểm thi 3 môn của Kỳ thi THPT Quốc gia tại các cụm thi do các trường đại học, cao đẳng chủ trì theo các ngành được quy định cụ thể tại cột (4).</p> <p><b>2. Tuyển sinh dựa vào kết quả học tập THPT (40% chỉ tiêu tuyển sinh).</b></p> <p>2.1. Phương thức</p> <p>- Xét tuyển dựa vào Điểm trung bình môn của 3 môn lớp 12 theo tổ hợp các môn dùng để xét tuyển theo các ngành của nhà trường được quy định tại cột (4).</p> <p>- Các thí sinh dự tuyển vào các ngành năng khiếu phải dự thi theo lịch của nhà trường.</p> <p>2.2. Tiêu chí xét tuyển</p> <p>- <i>Tiêu chí 1:</i> Đã tốt nghiệp THPT.</p> <p>- <i>Tiêu chí 2:</i></p> <p>+ Đối với các ngành sư phạm: Tổng Điểm trung bình môn của 3 môn lớp 12 theo tổ hợp các môn dùng để xét tuyển theo các ngành từ 18.0 điểm trở lên, không có môn dưới 5.5. Hạnh kiểm từ Khá trở lên.</p> <p>+ Đối với các ngành ngoài sư phạm: Tổng Điểm trung bình môn của 3 môn</p> |
|                           | Sư phạm Lịch sử (Chương trình Sử-GDCD)                                     | <b>C140218</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh       | <b>30</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Tiếng Anh                                                          | <b>C140231</b> | Toán, Văn, Tiếng Anh (Hệ số 2)                                | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Tiểu học                                                          | <b>C140202</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí         | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           |                                                                            |                |                                                               | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Mầm non                                                           | <b>C140201</b> | Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (Hát, Đọc Kể diễn cảm)              | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Giáo dục Thể chất (Chương trình GDTC-CTĐ)                                  | <b>C140206</b> | Toán, Ngữ văn, Năng khiếu TDTT<br>Toán, Sinh, Năng khiếu TDTT | <b>50</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Sư phạm Âm nhạc                                                            | <b>C140221</b> | Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc<br>Toán, Năng khiếu Âm nhạc       | <b>20</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng ngoài sư phạm (tuyển sinh trong cả nước)</b> |                |                                                               | <b>140</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Khoa học thư viện                                                          | <b>C320202</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.         | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Tiếng Anh                                                                  | <b>C220201</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (Hệ số 2)                            | <b>60</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                           | Việt nam học                                                               | <b>C220113</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí          | <b>40</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tên trường/ Ngành học                                                                | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                      | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng sư phạm (thí sinh có hộ khẩu ngoài tỉnh Vĩnh Phúc)</b> |                |                                                         | <b>300</b>                    | lớp 12 theo tổ hợp các môn dùng để xét tuyển theo các ngành từ 16.5 điểm trở lên, không có môn dưới 5.0. Hạnh kiểm từ Khá trở lên.<br><b>3. Lịch thi các môn năng khiếu các ngành Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mầm non</b><br>* <b>Đợt 1:</b> Từ ngày 10/8/2015 đến 14/8/2015.<br>* <b>Đợt 2:</b> Từ ngày 28/09/2015 đến 02/10/2015. |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giáo dục Tiểu học                                                                    | <b>C140202</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.<br>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí   | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giáo dục Mầm non                                                                     | <b>C140201</b> | Toán, Ngữ văn. Năng khiếu (Hát, Đọc, Kể diễn cảm)       | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sư phạm Toán học (Chương trình Toán-Lí)                                              | <b>C140209</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh        | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sư phạm Lí (Chương trình Lí-KTCN)                                                    | <b>C140211</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh        | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sư phạm Lịch Sử (Chương trình Sử-GDCD)                                               | <b>C140218</b> | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí<br>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sư phạm Tin học (Chương trình Tin-KTCN)                                              | <b>C140210</b> | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.      | <b>25</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>4. Thời gian nộp hồ sơ, xét tuyển</b><br>* <b>Đợt 1:</b> Nhận hồ sơ: từ ngày 01/07/2015 đến 07/8/2015.Xét tuyển, thi năng khiếu: từ ngày 10/8/2015 đến 14/8/2015.<br>* <b>Đợt 2:</b> Nhận hồ sơ: từ ngày 31/8/2015 đến 25/9/2015.Xét tuyển, thi năng khiếu: từ ngày 28/09/2015 đến 02/10/2015.<br>- Xét tuyển và thi năng khiếu<br>+ Các ngành Mầm non, Giáo dục thể chất, Âm nhạc xét tuyển và thi năng khiếu.<br>+ Ngành Giáo dục thể chất, Âm nhạc điểm thi năng khiếu tính hệ số 2.<br>- Vùng tuyển sinh:<br>+ Các ngành sư phạm: Chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu Vĩnh Phúc<br>+ Các ngành ngoài sư phạm: Tuyển sinh trong cả nước<br>+ Các ngành đào tạo cao đẳng sư phạm (thí sinh có hộ khẩu ngoài tỉnh Vĩnh Phúc) Tuyển sinh trong cả nước |                                                                                      |                |                                                         |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |



| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                 | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                 | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>60</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY<br/>DỰNG NAM ĐỊNH</b>                                                          |                |                                                    | <b>600</b>                    | <b>Vùng tuyển sinh</b><br>Tuyển sinh trong cả nước                                                                                  |
| <b>CXN</b>                | Quốc lộ 10, Phường Lộc Vượng,<br>TP Nam Định. ĐT:<br>0350.3682177<br>Website: www.cdxdnd.edu.vn       |                |                                                    |                               | <b>Phương thức tuyển sinh</b><br>* Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi<br>THPT Quốc gia<br>* Xét tuyển dựa vào kết quả học tập<br>THPT |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng</b>                                                                     |                |                                                    |                               | * Đào tạo liên thông TCCN lên cao<br>đẳng chính quy                                                                                 |
|                           | Công nghệ kỹ thuật công trình<br>xây dựng                                                             | <b>C510102</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh; | <b>540</b>                    | * Kí túc xá đáp ứng được 600 chỗ                                                                                                    |
|                           | Quản lý xây dựng                                                                                      | <b>C580302</b> | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;                          | <b>30</b>                     |                                                                                                                                     |
|                           | Kế toán                                                                                               | <b>C340301</b> | Toán, Hoá học, Tiếng Anh                           | <b>30</b>                     |                                                                                                                                     |
| <b>61</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ<br/>HÀ TĨNH</b>                                                               |                |                                                    | <b>350</b>                    |                                                                                                                                     |
| <b>CYN</b>                | Đường Lê Hồng Phong - Phường<br>Thạch Linh - Thành Phố Hà Tĩnh<br>Website: www.cdytehatinh.edu.v<br>n |                |                                                    |                               | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả<br>nước                                                                                      |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                    |                |                                                    | <b>350</b>                    | - Phương thức tuyển sinh:<br>Trình độ cao đẳng: Trường tuyển sinh<br>dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.                          |
|                           | Điều dưỡng                                                                                            | <b>C720501</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Hoá học, Sinh học   | <b>300</b>                    |                                                                                                                                     |
|                           | Hộ sinh                                                                                               | <b>C720502</b> | Toán, Vật lí, Hoá học<br>Toán, Hoá học, Sinh học   | <b>50</b>                     |                                                                                                                                     |
| <b>62</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI<br/>PHÒNG</b>                                                             |                |                                                    | <b>450</b>                    | Vùng tuyển sinh: Tuyển thí sinh Hải<br>Phòng và các tỉnh lân cận.                                                                   |
| <b>CYF</b>                | Số 169 Trần Nguyên Hãn, Quận<br>Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.<br>ĐT: (0313)781412                     |                |                                                    |                               | Phương thức tuyển sinh: Trường dựa<br>vào kết quả kì thi THPT Quốc gia                                                              |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                                 | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Website:<br>www.cdythaiphong.edu.vn                                                                                                                   |                |                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                    |                |                                                   | <b>450</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                            | <b>C720501</b> | Toán, Hoá học, Sinh học                           | <b>350</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Dược                                                                                                                                                  | <b>C900107</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học | <b>100</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>63</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ<br/>HUNG YÊN</b>                                                                                                              |                |                                                   | <b>350</b>                    | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước<br>- Phương thức tuyển sinh:<br>+ Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia (20% tổng số chỉ tiêu);<br>+ Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (80% tổng số chỉ tiêu).<br>- Các thông tin khác: Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất Khu kí túc xá khép kín với 300 chỗ ở; chi phí ở kí túc xá ưu đãi |
| <b>CHY</b>                | * Đường Tuệ Tĩnh, Phường An<br>Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng<br>Yên<br>ĐT: 03213.865.502; Fax: 03213<br>556.689;<br>Website: www.caodangyhy.edu.v<br>n |                |                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                                    |                |                                                   | <b>350</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Dược                                                                                                                                                  | <b>C900107</b> | Toán, Hóa học, Sinh học<br>Toán, Vật lí, Hóa học  | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                            | <b>C720501</b> | Toán, Hóa học, Sinh học                           | <b>150</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>64</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ<br/>NINH BÌNH</b>                                                                                                             |                |                                                   | <b>300</b>                    | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước<br>- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển<br>+ Môn Toán của kì thi THPT Quốc gia 2015<br>+ Môn Hóa học, môn Sinh học theo học bạ lớp 12                                                                                                                                                              |
| <b>CNY</b>                | Số: 297 Hải Thượng Lãn Ông -<br>Nam Thành – TP. Ninh Bình –<br>tỉnh Ninh Bình.<br>ĐT: 0303.871461<br>Website:<br>www.cdyteninhbinh.edu.vn             |                |                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                                                                                                             | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                                                                           | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>                                                                                                         |                |                                                                                                              | <b>300</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                        | <b>C720501</b> | Toán, Hoá học, Sinh học                                                                                      | <b>300</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>65</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ<br/>QUẢNG NINH</b>                                                                                                        |                |                                                                                                              | <b>600</b>                    | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.                                                                                                                                                                                                      |
| <b>CYQ</b>                | Số 5, phố Hải Sơn, phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh<br>ĐT: (033) 3837980. Fax: (033) 3837977<br>Website:<br>www.cdytquangninh.edu.vn |                |                                                                                                              |                               | - Phương thức tuyển sinh:<br>+ Xét tuyển theo kết quả thi của những thí sinh dự thi kì thi THPT Quốc gia có đăng kí xét tuyển vào ĐH, CĐ.<br>+ Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT.<br>- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức. |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>                                                                                                         |                |                                                                                                              | <b>600</b>                    | Ghi chú: Nhà trường có KTX cho sinh viên thuộc đối tượng chính sách, sinh viên ở xa.                                                                                                                                                              |
|                           | Điều dưỡng                                                                                                                                        | <b>C720501</b> | Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Sinh học, Ngoại ngữ;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ | <b>400</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|                           | Dược                                                                                                                                              | <b>C900107</b> | Toán, Vật lí, Hoá học;<br>Toán, Hoá học, Sinh học;<br>Toán, Vật lí, Ngoại ngữ;<br>Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ   | <b>200</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>66</b>                 | <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ<br/>THÁI BÌNH</b>                                                                                                         |                |                                                                                                              | <b>650</b>                    | - Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước                                                                                                                                                                                                       |
| <b>CYE</b>                | Số 290 đường Phan Bá Vành, phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình<br>ĐT: 0363.844.966<br>Website:                                                |                |                                                                                                              |                               | - Phương thức tuyển sinh:<br>+ Trình độ cao đẳng:<br><u>Phương án 1:</u> Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia.<br><u>Phương án 2:</u> Xét học bạ các nhóm                                                                       |

| STT/<br>Ký hiệu<br>trường | Tên trường/ Ngành học                                           | Mã<br>ngành    | Môn thi/ xét tuyển                                   | Chỉ tiêu<br>Trường<br>đăng ký | Ghi chú                     |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
|                           | <a href="http://caodangytb.edu.vn">http://caodangytb.edu.vn</a> |                |                                                      |                               | môn:                        |
|                           | <b><i>Các ngành đào tạo cao đẳng:</i></b>                       |                |                                                      | <b>650</b>                    | -Toán, Hóa học, Sinh học    |
|                           | Điều dưỡng                                                      | <b>C720501</b> | Toán, Hóa học, Sinh học;                             | <b>400</b>                    | - Toán, Vật lí, Hóa học     |
|                           | Dược                                                            | <b>C900107</b> | Toán, Vật lí , Hóa học;                              | <b>200</b>                    | - Toán, Hóa học, Tiếng Anh  |
|                           | Xét nghiệm y học                                                | <b>C720332</b> | Toán, Vật lí, Tiếng Anh;<br>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | <b>50</b>                     | - Toán, Sinh học, Tiếng Anh |